



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 36 + 37

Ngày 05 tháng 5 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

01-4-2021	Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.	4
01-4-2021	Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	10
01-4-2021	Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	13
09-4-2021	Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng Tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên.	15
22-4-2021	Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hồ	16

trợ đời với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

01-4-2021	Quyết định số 999/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Thương nghiệp I Thái Nguyên, cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long thuê đất do thực hiện thủ tục sáp nhập doanh nghiệp tại phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	18
08-4-2021	Quyết định số 1039/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình.	20
14-4-2021	Quyết định số 1105/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.	23
14-4-2021	Quyết định số 1117/QĐ-UBND về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Trung tâm dịch vụ và thi đấu thể thao tỉnh Thái Nguyên theo hình thức đối tác công tư (PPP) - Hợp đồng BOO.	78
14-4-2021	Quyết định số 1186/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án “Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025”.	80
16-4-2021	Quyết định số 1191/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 18).	118
26-4-2021	Quyết định số 1245/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	121

Hopestar tại phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên (đợt 2).

26-4-2021

Quyết định số 1255/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long thuê đất, để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản tại mỏ vàng sa khoáng Khắc Kiệm, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai (đợt 2).

124

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện Kết luận số 09-KL/TU ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 12/HĐND-VP ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và

doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 16/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước).

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Kinh phí khoản sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Nguồn kinh phí khoản sử dụng xe ô tô được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

2. Ngân sách nhà nước không bố trí tăng kinh phí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị để áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô so với trước khi thực hiện khoản sử dụng xe ô tô.

3. Kinh phí khoản sử dụng xe ô tô được thanh toán cho người nhận khoản cùng với việc chi trả lương hàng tháng (đối với khoản gọn) hoặc thanh toán cho

người nhận khoán cùng với việc thanh toán công tác phí (đối với khoán theo km thực tế).

Điều 4. Áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Giám đốc doanh nghiệp nhà nước bảo đảm phương tiện xe ô tô công tác cho các chức danh, đối tượng thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp mình quản lý, phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp mình.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất.

3. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công tác thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 24, Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quy định chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Các chức danh thực hiện khoán

a) Các chức danh tại tỉnh Thái Nguyên có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, trong trường hợp tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

b) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25) thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị đủ điều kiện được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung nhưng chưa được trang bị xe (bao gồm cả trường hợp được trang bị xe nhưng bị hư hỏng không sử dụng được), đã được trang bị nhưng số xe được trang bị hiện

có không đủ theo định mức đã quy định để bố trí phục vụ công tác hoặc được trang bị xe đủ định mức nhưng không đảm bảo phục vụ đồng thời nhiều chức danh do có lịch công tác trùng nhau;

c) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 trở lên) của các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung;

d) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 trở lên) của đơn vị thuộc cấp huyện (ngoài Văn phòng cấp ủy và chính quyền cấp huyện) không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung;

đ) Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước;

e) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác cần bố trí xe ô tô cho các đối tượng không thuộc quy định tại các Điều a, b, c, d, đ Khoản này đi công tác thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định.

2. Hình thức khoán và mức khoán kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 04 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Một chức danh của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trong năm chỉ được khoán một trong hai hình thức khoán theo km thực tế hoặc khoán gọn. Các chức danh khác nhau trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có thể được khoán kinh phí theo các hình thức khác nhau (khoán theo km thực tế hoặc khoán gọn).

Điều 6. Đơn giá khoán

1. Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác là 12.000 đồng/km (đã bao gồm tiền vé cầu, đường, tiền gửi xe).

2. Đơn giá khoán tại Khoản 1 Điều này là đơn giá khoán tối đa khi khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng kinh phí, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước quyết định đơn giá khoán của cơ quan, tổ chức,

đơn vị, doanh nghiệp nhà nước không vượt quá đơn giá khoán tối đa tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp giá cước dịch vụ vận chuyển hành khách bằng xe taxi bình quân trên địa bàn tỉnh tăng, giảm phổ biến trên 20%, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính thông báo điều chỉnh đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho phù hợp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Quyết định việc áp dụng khoán; hình thức và công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của đơn vị mình.

2. Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán.

3. Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

4. Bổ sung hình thức và đối tượng khoán kinh phí trong Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung sau khi có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Bổ sung giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ đối với công trình là nhà chung cư tại Số thứ tự I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

STT	Loại công trình	Đơn vị tính	Đơn giá
7	Từ 31 tầng đến 35 tầng	Đồng/m ² sàn	Tính bằng 1,2 lần giá xây dựng mới nhà chung cư từ 26 tầng đến 30 tầng.
8	Từ 36 tầng đến 40 tầng	Đồng/m ² sàn	Tính bằng 1,3 lần giá xây dựng mới nhà chung cư từ 26 tầng đến 30 tầng.
9	Từ 41 tầng đến 45 tầng	Đồng/m ² sàn	Tính bằng 1,35 lần giá xây dựng mới nhà chung cư từ 26 tầng đến 30 tầng.
10	Từ 46 tầng đến 50 tầng	Đồng/m ² sàn	Tính bằng 1,45 lần giá xây dựng mới nhà chung cư từ 26 tầng đến 30 tầng.

2. Bổ sung giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ đối với công trình là nhà từ 6 tầng trở lên, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường bao xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép (lợp mái nếu có) tại Số thứ tự II Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

STT	Loại công trình	Đơn vị tính	Đơn giá
1a	Nhà từ 6 tầng trở lên, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường bao xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép (lợp mái nếu có)	Đồng/m ² sàn	Tính theo giá xây dựng mới nhà chung cư quy định tại Số thứ tự I (số thứ tự 2 đến 10)

3. Bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

“3. Giá xây dựng mới đối với nhà xây thô có hoàn thiện mặt ngoài (chưa hoàn thiện bên trong) bằng 65% giá xây dựng nhà ở mới.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có hoạt động mua bán, chuyển nhượng nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng Tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 189/TTr-VPUB ngày 26 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng Tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc bãi bỏ toàn bộ, bãi bỏ một phần một số Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 5 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 999/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Thương nghiệp I Thái Nguyên, cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long thuê đất do thực hiện thủ tục sáp nhập doanh nghiệp tại phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất và cho thuê đất

1. Thu hồi diện tích 6.238,9 m² đất tại thửa đất số 301, tờ bản đồ địa chính số 16 thuộc phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên do UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần Thương nghiệp I Thái Nguyên thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 588459 ngày 27/8/2007.

2. Cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long thuê diện tích 6.238,9 m² đất đã thu hồi tại Khoản 1 Điều này (Công ty Cổ phần Thương nghiệp I Thái Nguyên đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đầu tư

thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long).

Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 13/11/2047.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Trung Vương, Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 588459 cấp ngày ngày 27/8/2007, mang tên Công ty Cổ phần Thương nghiệp I Thái Nguyên;
- Ký hợp đồng thuê đất và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long theo quy định;
- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Trung Vương, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Phú Quý Thăng Long và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1039/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn
thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 168/TTr-STNMT ngày 05 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với 05 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình, với tổng diện tích sử dụng đất là 94,38 ha (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao UBND thành phố Thái Nguyên, UBND thị xã Phổ Yên và UBND huyện Phú Bình:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất (bổ sung) năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo quy định của Luật Đất đai.

4. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý của các dự án có sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND huyện Phú Bình và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC.**Danh mục 05 công trình, dự án phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình**

(Kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng	
				Tổng số	Trong đó:				
			Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng			
	TỔNG CỘNG		94,38	66,86	26,28			27,44	0,08
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		9,38					9,38	
1	Khu nhà ở Thủy Lợi	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	0,924					0,924	
2	Đầu giá quyền thuê đất (thửa đất số 352, tờ bản đồ địa chính số 8, phường Tân Lập)	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	8,46					8,46	
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		74,80	59,96	24,13			14,76	0,08
1	Đường Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội	Xã Nga My, huyện Phú Bình	1,00	0,39	0,25			0,61	
2	Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	63,10	55,80	22,90			7,30	
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 266 đoạn từ ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến ngã tư Diềm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	10,70	3,77	0,98			6,85	0,08
III	THỊ XÃ PHỔ YÊN		10,20	6,90	2,15			3,30	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 266 đoạn từ ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến ngã tư Diềm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên	10,20	6,90	2,15			3,30	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1105/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tập thể
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 về Tổ hợp tác;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025; số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 thông qua Đề án Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp HTX trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 111/TTr-LMHTX ngày 09/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 (*Có Đề án chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh là cơ quan thường trực thực hiện Đề án; chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch và kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Văn Lượng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025

*(Kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 14/4/2021
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế tập thể đã trở thành chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nhận thức của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên; Nhà nước đã quan tâm ban hành các chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển. Khu vực kinh tế tập thể (KTTT), mà nòng cốt là hợp tác xã (HTX) tỉnh Thái Nguyên đã có những chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng HTX ngày càng tăng, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực, thích ứng ngày càng tốt hơn với cơ chế thị trường; khẳng định vai trò, vị trí của HTX trong nền kinh tế, từng bước nâng cao mức sống của thành viên. Các HTX từng bước đổi mới về tổ chức và hoạt động, đội ngũ cán bộ quản lý HTX dần được trẻ hóa, năng động, có trình độ chuyên môn, mạnh dạn trong tổ chức và quản lý HTX. Hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh, nhất là HTX nông, lâm nghiệp đã giải quyết việc làm và mang lại thu nhập ổn định cho một bộ phận lao động nông thôn, đáp ứng tốt các nhu cầu của thành viên, từng bước xóa bỏ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình, đề hướng đến liên kết sản xuất giữa các hộ gia đình và vẫn đảm bảo tính chủ động của kinh tế hộ gia đình; góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh trật tự ở nông thôn và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Từ đầu năm 2020 đến nay, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, dịch bệnh đang

tiếp tục diễn biến rất phức tạp và hậu quả có thể kéo dài nhiều năm tới. Trong khi khu vực doanh nghiệp gặp khó khăn, rất nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động thì khu vực KTTT vẫn tương đối ổn định, khẳng định được rõ hơn vai trò hỗ trợ đối với kinh tế cá thể của các thành viên. Giải pháp lâu dài cho nền kinh tế nước ta tập trung vào an ninh lương thực, an sinh xã hội, liên kết sản xuất, tập trung thị trường trong nước rất phù hợp với bản chất, thế mạnh của mô hình HTX cần được phát huy trong thời gian tới.

Tuy nhiên, khu vực kinh tế tập thể, HTX vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần tiếp tục quan tâm hỗ trợ phát triển. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền, tổ chức liên quan còn chưa được quan tâm đúng mức; công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX còn nhiều bất cập, công tác phối hợp để củng cố, giải quyết các vấn đề liên quan đến HTX ở địa phương còn nhiều khó khăn. Năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý HTX còn hạn chế. Phần lớn các tổ chức KTTT, HTX có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền; giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; khả năng cạnh tranh với các khu vực kinh tế khác còn yếu. Mô hình HTX kiểu mới theo hướng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chưa thực sự mạnh. Hoạt động xúc tiến thương mại chưa có nhiều đổi mới; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức... Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục phải quan tâm dành nhiều nguồn lực hỗ trợ để đẩy mạnh quá trình phát triển, hội nhập của khu vực kinh tế tập thể, HTX trong nền kinh tế quốc dân nói chung và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

**** Văn bản của Trung ương***

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
2. Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;
3. Luật Hợp tác xã năm 2012;
4. Luật Đầu tư công năm 2019;

5. Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

6. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

7. Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác;

8. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

9. Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị;

10. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

11. Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2012;

12. Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025;

13. Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025;

14. Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 8/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT;

15. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

16. Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

*** Văn bản của tỉnh Thái Nguyên**

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX;

2. Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030;

3. Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

5. Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp HTX trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020”

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành Kết luận số 143-KL/TU ngày 30/6/2017 thông qua Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020; Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII đã thông qua và ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 về phát

triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 – 2020; UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc ban hành Đề án Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020. Trong đó giao cho Liên minh HTX tỉnh là cơ quan thường trực phối hợp với các các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Đề án và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

UBND tỉnh đã kiện toàn Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh và chỉ đạo việc kiện toàn Ban chỉ đạo ở cấp huyện; ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 11/7/2019 về phát triển HTX, Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 cùng với nhiều Chương trình, Đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hằng năm, Liên minh HTX tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung của Đề án ở các địa phương và các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nhằm đánh giá đúng thực trạng, kịp thời chỉ đạo khắc phục tồn tại để kinh tế tập thể phát triển cũng như tăng cường công tác quản lý Nhà nước về HTX trên địa bàn. Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan với các HTX nông nghiệp trên địa bàn nhằm tháo gỡ những khó khăn cho HTX và xem xét đưa ra các giải pháp tiếp tục hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, HTX phát triển.

2. Công tác triển khai thực hiện Đề án

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã quan tâm triển khai, hướng dẫn thực hiện Đề án ở địa phương, ngành, đơn vị mình; lồng ghép nguồn vốn thực hiện Đề án với các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn sự nghiệp và các nguồn lực khác để đồng thời, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể. Tổ chức khen thưởng, kịp thời tôn vinh, biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

1.1. Mục tiêu thứ nhất: Hằng năm, thành lập mới 100 tổ hợp tác trở lên và từ 20 đến 25 HTX, trong đó ít nhất có 15 HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

Kết quả thực hiện:

- Từ năm 2017 đến hết năm 2020 đã có 415 Tổ hợp tác (THT) được thành lập mới (trung bình mỗi năm có 104 THT thành lập mới), vượt 4% mục tiêu đề án đề ra (toàn tỉnh hiện có 4.480 tổ với hơn 73.300 thành viên và người lao động).

- Số HTX thành lập mới từ năm 2017 đến hết năm 2020 là 288 HTX, trung bình 72 HTX thành lập mới/năm, vượt 188% mục tiêu Đề án đề ra (*năm 2016 có 36 HTX thành lập mới*).

Hiện nay, toàn tỉnh có 583 HTX hoạt động trên các lĩnh vực với trên 42.150 thành viên và người lao động. Trong đó, có 366 HTX nông, lâm nghiệp; 217 HTX phi nông nghiệp (54 HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; 82 HTX thương mại, dịch vụ; 46 HTX xây dựng; 21 HTX vận tải; 11 HTX vệ sinh môi trường và 03 Quỹ tín dụng nhân dân).

1.2. Mục tiêu thứ hai: Xây dựng, phát triển và hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới điển hình tiên tiến bền vững ở các địa phương. Trong giai đoạn 2017 - 2020, các địa phương gồm: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên, huyện Đông Hỷ, huyện Võ Nhai, huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Phú Bình xây dựng được từ 3 đến 4 mô hình; thành phố Sông Công và huyện Định Hóa xây dựng từ 2 đến 3 mô hình, hoạt động hiệu quả, có sức lan tỏa.

Kết quả thực hiện: Từ khi thực hiện Đề án, được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước, các cấp, các ngành, các HTX trong tỉnh đã từng bước củng cố tổ chức bộ máy, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất gắn với chuỗi giá trị, liên doanh, liên kết, nâng cao hiệu quả hoạt động. Các địa phương trong tỉnh tiếp tục phát triển mới các mô hình HTX điển hình tiên tiến; đồng thời tiếp tục hoàn thiện các HTX đã đạt tiêu chí để xây dựng mô hình điển hình tiên tiến bền vững. Đến nay, các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh đều xây dựng được ít nhất từ 02 đến 03 mô hình HTX kiểu mới điển hình tiên tiến trở lên, đạt mục tiêu Đề án đề ra.

1.3. Mục tiêu thứ ba: Xây dựng từ 3 Liên hiệp Hợp tác xã trở lên trong các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, chế biến chè, rau, củ, quả, chăn nuôi gia súc gia cầm, thủy sản,... với phương thức tổ chức sản xuất kiểu mới theo hướng ứng dụng công nghệ cao, có thương hiệu mạnh trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện: Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 04 Liên hiệp HTX (vượt 33% so với mục tiêu Đề án đề ra), với 26 HTX thành viên, tổng vốn điều lệ 33 tỉ đồng. Các Liên hiệp HTX được thành lập nhằm liên kết sản xuất, cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm cho các HTX thành viên thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp trên địa bàn.

1.4. Mục tiêu thứ tư: Các xã đạt chuẩn nông thôn mới đều có HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012.

Kết quả thực hiện: Đến nay, toàn tỉnh có 108 xã đạt chuẩn nông thôn mới đều có HTX hoạt động hiệu quả theo tiêu chí quy định, đạt 100% mục tiêu Đề án đề ra (*các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh có 352 HTX, trong đó có 287 HTX hoạt động hiệu quả*). Các HTX hoạt động hiệu quả đều thực hiện sản xuất gắn với chuỗi giá trị, có mối liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, tổ hợp tác và người dân trong khu vực. Một số xã đạt chuẩn nông thôn có từ 3-5 HTX hoạt động như: Phúc Trìu, Tân Cương, Phúc Xuân thuộc thành phố Thái Nguyên; Văn Hán, Minh Lập, Hóa Trung thuộc huyện Đồng Hỷ; La Bằng, Tân Linh, Lục Ba thuộc huyện Đại Từ; Túc Tranh, Vô Tranh thuộc huyện Phú Lương,...

1.5. Mục tiêu thứ năm: Thu nhập bình quân của thành viên và người lao động đến năm 2020 trong THT, HTX tăng từ 1,5 đến 2 lần so với năm 2016.

Kết quả thực hiện: Nhìn chung, thu nhập bình quân của thành viên và người lao động trong các tổ hợp tác, HTX tăng dần qua các năm. Một số HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp hoạt động hiệu quả có thu nhập từ 5,5 đến 6 triệu đồng/người/tháng và một số HTX phi nông nghiệp có thu nhập từ 6-7 triệu đồng/người/tháng.

1.6. Mục tiêu thứ sáu: Số cán bộ quản lý HTX, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ có trình độ đại học đạt 20% trở lên; trình độ cao đẳng, trung cấp đạt 40% trở lên.

Kết quả thực hiện: Tổng số cán bộ quản lý HTX trên địa bàn tỉnh có 2.548 người; trong đó số cán bộ đạt trình độ đại học và trên đại học là 357 người, bằng 14% (đạt 70% mục tiêu Đề án); số cán bộ đạt trình độ cao đẳng, trung cấp có 798 người, bằng 31,3% (đạt 78,2% mục tiêu Đề án). Còn 54,7% số cán bộ HTX chưa qua đào tạo chuyên môn mà mới chỉ được tham gia các lớp bồi dưỡng quản lý HTX do các sở, ngành liên quan tổ chức.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Công tác tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể, HTX

Trong những năm qua, cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền về phát triển kinh tế tập thể gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế tập thể ở địa phương. Thực hiện Chương trình phối hợp số 88/CTPH-LMHTX-CCQ ngày 11/4/2017 về đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020, 15 cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (*các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh; Liên minh HTX tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên, Hiệp hội làng nghề tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh*) đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền cấp huyện tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, thông tin về kinh tế tập thể, HTX bằng nhiều hình thức khác nhau đến các cơ quan, tổ chức, thành viên HTX và nhân dân trên địa bàn, trong đó:

- Tổ chức 160 lớp tập huấn, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, giới thiệu các HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả ở các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh tại các xã, xóm cho trên 14.000 lượt người tham dự;

- Tổ chức 62 lớp cung cấp thông tin, tư vấn thành lập HTX cho 3.100 lượt người để hoàn thiện hồ sơ thành lập mới HTX;

- Xây dựng, phát hành 30 phóng sự và trên 160 tin, bài tuyên truyền về các mô hình HTX kiểu mới điển hình tiên tiến, gương tiêu biểu trong phát triển kinh tế hợp tác, HTX trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và Báo Thái Nguyên;

- Phát hành 22.800 cuốn Bản tin kinh tế hợp tác, nâng cấp Website Liên minh HTX nhằm cung cấp thông tin về khu vực kinh tế tập thể, HTX trong tỉnh;

2.2. Hỗ trợ thành lập mới

Giai đoạn từ 2017 - 2020, đã có 124 HTX và 2 Liên hiệp HTX được hỗ trợ thành lập mới với số tiền 1.600 triệu đồng.

2.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Trong giai đoạn 2017-2020, đã tổ chức:

- 09 lớp bồi dưỡng dành cho 540 lượt cán bộ các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thị xã phụ trách công tác quản lý nhà nước về HTX;

- 67 lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, tay nghề cho 2.795 lượt cán bộ và thành viên HTX (*đào tạo công tác quản trị HTX, kế toán, kỹ năng bán hàng, tổ chức hoạt động du lịch tại điểm; kỹ thuật chăm sóc và quản lý đàn ong; kỹ thuật chăm sóc, sao sấy, chế biến các sản phẩm trà từ chè; kỹ thuật sản xuất rau quả an toàn, chăn nuôi gia súc, gia cầm...*). Trong khóa học, các học viên được tổ chức đi tham quan thực tế các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hoặc trực tiếp thực hành các quy trình kỹ thuật, kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ liên quan, để có thể áp dụng thực hiện ngay tại đơn vị của mình;

- Hỗ trợ đào tạo dài hạn cho 15 lượt cán bộ quản lý và cán bộ nguồn của HTX đi học tại các trường chuyên nghiệp theo quy định.

2.4. Thu hút nguồn nhân lực tham gia quản lý, làm việc tại hợp tác xã

Chính sách thu hút đã kịp thời động viên, tạo điều kiện hỗ trợ rất lớn cho HTX trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia quản lý, tổ chức sản xuất tại HTX và giảm chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời, giúp cho người lao động làm việc tại HTX yên tâm làm việc, đóng góp vào sự phát triển của HTX.

Thực hiện thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, trên đại học về làm việc tại HTX, từ năm 2017 đến hết năm 2020, tỉnh đã thực hiện hỗ trợ theo chính sách thu hút nguồn nhân lực cho 36 HTX để chi trả tiền lương cho 38 cán bộ trẻ làm việc tại HTX (kế toán, kỹ thuật, kinh doanh), với số tiền 2.659,23 triệu đồng, đạt 63% so với chỉ tiêu dự kiến (chỉ tiêu 60 người được

hỗ trợ). Nguyên nhân do nguồn kinh phí được cấp hàng năm còn chưa đáp ứng được nhu cầu của HTX.

2.5. Hỗ trợ tín dụng

- Ngân sách tỉnh Thái Nguyên đã bổ sung 20.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh (bằng 57% kế hoạch) cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh, đưa tổng vốn Quỹ hỗ trợ lên 42.870 triệu đồng. Trong 4 năm qua, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thái Nguyên đã ký kết hợp đồng hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi 397 lượt khách hàng là các HTX/THT/thành viên các HTX trên địa bàn tỉnh, doanh số cho vay đạt 148.710 triệu đồng.

- Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cho 02 HTX vay ưu đãi với số tiền là 7.400 triệu đồng (bằng 74% kế hoạch) để các đơn vị thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến.

- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh ủy thác cho 18 lượt thành viên HTX vay từ nguồn vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm (vốn 120) với số vốn 1.370 triệu đồng (bằng 27,4% kế hoạch).

- Liên đoàn lao động tỉnh hỗ trợ cho 211 lượt người lao động trong các HTX thành viên vay 6.440 triệu đồng để phát triển kinh tế hộ gia đình (tăng 214,6% so với kế hoạch).

Tổng số vốn cho vay đối với khu vực nông thôn và chương trình xây dựng nông thôn mới chiếm 79%. Chất lượng tín dụng của các khoản vay đều đảm bảo tỷ lệ 100% nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc hỗ trợ vốn vay kịp thời đã giúp các HTX, THT tăng cường nguồn lực đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho thành viên và người lao động; góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.6. Hỗ trợ về đất đai

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện tốt công tác phối hợp hướng dẫn công tác quản lý đối với các loại đất đai cho các địa phương, giúp các HTX trong thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để tăng quy mô sản xuất, kinh doanh; đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ và quyết định

cho 03 HTX (HTX Quân Sơn, HTX Đại Thắng và HTX sản xuất & thương mại Bảo Lộc) thuê đất với tổng diện tích 12.395,7 m² để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2.7. Hỗ trợ về phát triển kết cấu hạ tầng

Gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các địa phương đã chủ động đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ các HTX trên địa bàn, như: đường giao thông vào cơ sở sản xuất, nhà xưởng, thiết bị máy móc sản xuất... Đã giúp các HTX có điều kiện cải thiện và nâng cao chất lượng, quy mô sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn 2017-2020, có 79 HTX nông nghiệp được hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị với tổng số vốn 53,5 tỷ đồng; hỗ trợ trên 60 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng HTX nông nghiệp. Một số HTX có quy mô sản xuất lớn được hỗ trợ: HTX Miền Việt Cường (được hỗ trợ xây dựng nhà xưởng 2.000m² trị giá 5 tỷ đồng); HTX Chè La Bằng – huyện Đại Từ được hỗ trợ trụ sở làm việc và trưng bày sản phẩm; HTX Gà đồi Đông Thịnh – huyện Phú Bình được hỗ trợ làm đường giao thông; một số HTX chè như: La Bằng, Tân Hương,... được hỗ trợ máy sao sấy chè.

2.8. Hỗ trợ về trợ ứng dụng khoa học công nghệ

- Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh HTX tỉnh đã làm tốt vai trò tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện công tác hỗ trợ ứng dụng KH-CN và kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh cho HTX. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp tổ chức các hội thảo, hội nghị giới thiệu và chuyển giao các sản phẩm kỹ thuật, máy móc, dây chuyền sản xuất, đóng gói... cho các HTX có nhu cầu: Dây chuyền định lượng và đóng gói sản phẩm trà; hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP; kỹ thuật sản xuất rau quả trong nhà lưới, nhà màng; kỹ thuật ghép cây cà chua vào gốc cây cà tím; kỹ thuật sản xuất xuất sản phẩm chè, rau quả theo hướng hữu cơ và sản xuất hữu cơ, nhằm nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm trên đơn vị diện tích.

- Thực hiện xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu tập thể, mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm chè và các loại hàng hóa nông sản, thực phẩm của các HTX, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ và cấp xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 23 HTX nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng.

2.9. Hỗ trợ về giống cây, con giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh

Công tác hỗ trợ cho các HTX và nhân dân bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh được tỉnh chú trọng, nhất là dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do dịch lợn tai xanh, dịch tả lợn châu Phi, cúm gia cầm,... Qua đó, đã giúp các hộ gia đình giảm được thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Đồng thời, có điều kiện để khắc phục khó khăn, trang trải nợ và tiếp tục tái đàn, sản xuất.

2.10. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm được các đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn quan tâm tổ chức thực hiện rất phong phú, đa dạng. Hằng năm, tổ chức nhiều hội chợ thương mại, giới thiệu sản phẩm nông, lâm nghiệp; hội chợ giao thương, kết nối cung - cầu với các địa phương khác trong và ngoài nước.

- Tổ chức cho gần 150 cán bộ quản lý HTX và doanh nghiệp thành viên Liên minh HTX tỉnh tham gia hoạt động giao thương tại Hội chợ thương mại Trung Quốc-ASEAN lần thứ 16 tại thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc; tham gia hội chợ xúc tiến thương mại tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ; trên 140 lượt lãnh đạo các HTX, THT tham gia Chương trình AGRIEXPO VIETNAM 2019 và giao thương xúc tiến thương mại, tham quan triển lãm thiết bị, vật tư, kỹ thuật nông, lâm nghiệp quốc tế tại Hà Nội.

- Năm 2019 và 2020, Liên minh HTX tỉnh Thái Nguyên tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm phát triển mô hình HTX kiểu mới, kết nối cung cầu sản phẩm và Tuần lễ trưng bày sản phẩm của các HTX và các đơn vị thành viên Liên minh HTX 25 tỉnh, thành phố thuộc khu vực phía bắc. Sau hội nghị kết nối cung cầu đã có 35 hợp đồng và biên bản ghi nhớ giữa các HTX với các doanh nghiệp được ký kết. Từ đó, các sản phẩm của tỉnh, nhất là các sản phẩm đặc sản như:

Trà, Miến... đã từng bước tạo được vị trí quan trọng trên thị trường trong nước; nhiều HTX đã xuất khẩu được hàng chục tấn sản phẩm ra thị trường ngoài nước.

3. Tổng kinh phí thực hiện Đề án

Tổng kinh phí thực hiện các giải pháp của Đề án “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 - 2020” là: **60.501,103/88.688** triệu đồng, đạt **68,21%** kế hoạch đề ra. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 16.304,53 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 44.196,573 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, HTX của tỉnh được sự quan tâm. Công tác phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực kinh tế tập thể có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

- Chính sách, nguồn lực đầu tư cho khu vực kinh tế tập thể, HTX phong phú, đa dạng; vừa đầu tư, hỗ trợ trực tiếp từ kinh phí được cấp của Đề án cho HTX, vừa lồng ghép thông qua các chương trình, đề án khác; kết hợp giữa nguồn ngân sách Trung ương cấp thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã). Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể tạo điều kiện thuận lợi cho các Tổ hợp tác, HTX ra đời và hoạt động ổn định góp phần thúc đẩy kinh tế hộ ngày càng phát triển.

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể, HTX trong nền kinh tế từng bước được nâng lên. Các HTX thành lập mới tăng dần qua các năm; nhiều mô hình HTX mới trong các lĩnh vực, ngành nghề được thành lập. Chất lượng tổ chức, hoạt động chất lượng sản phẩm và uy

tín của các HTX tăng lên; doanh thu, thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước và thu nhập của người lao động trong HTX ngày càng tăng.

- Các HTX đã bước đầu thực hiện được vai trò liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho thành viên; tham gia tích cực vào chuỗi giá trị đối với các sản phẩm của địa phương. Góp phần chuyển dịch và tái cơ cấu kinh tế theo định hướng chung của tỉnh, giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Bên cạnh việc tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ, giải quyết việc làm cho người lao động, nhiều HTX đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội như: ủng hộ các quỹ từ thiện, giúp đỡ gia đình chính sách, gia đình khó khăn tại các địa phương, đặc biệt là sự chung tay phòng, chống dịch Covid-19 và ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt trong năm 2020.

- Vị trí, vai trò của Liên minh HTX tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được khẳng định và nâng lên, nhất là vai trò nòng cốt của Liên minh HTX tỉnh trong phát triển kinh tế tập thể, HTX ở địa phương, là đại diện và là cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền với thành phần kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền vẫn còn có nơi chưa được quan tâm kịp thời. Chưa phát huy tốt vai trò quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX; nhiều HTX đã ngừng hoạt động nhiều năm nhưng chưa được giải quyết, xử lý theo quy định.

- Công tác phối hợp của các tổ chức đoàn thể, các cấp, các ngành trong tư vấn, tuyên truyền về phát triển kinh tế tập thể, HTX chưa được phát huy đúng mức.

- Tuy vị trí, vai trò của Liên minh HTX tỉnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế tập thể, HTX đã được cải thiện nhưng vẫn chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể từ tỉnh đến huyện thường xuyên biến động về nhân sự, nhất là người đứng đầu nhưng chưa được bổ sung kiện toàn kịp thời nên kết quả hoạt động còn hạn chế.

- Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại các địa phương nên hiệu quả thấp. Một số chính hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhưng việc hướng dẫn thực hiện còn chậm và thiếu đồng bộ nên cơ sở khó thực hiện; nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho HTX chưa đáp ứng được yêu cầu so với mục tiêu Đề án.

- Hoạt động liên kết, giao lưu kinh tế, xúc tiến thương mại giữa các HTX ở khu vực thành thị và nông thôn, quảng bá, kết nối cung cầu với các tỉnh, thành phố và nước ngoài còn ít.

- Tuy tăng về số lượng nhưng quy mô HTX còn nhỏ; chưa năng động, linh hoạt trong sản xuất, kinh doanh. Trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX còn hạn chế, cơ bản chưa được qua đào tạo chuyên môn, quản lý kinh tế.

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất còn hạn chế; sức cạnh tranh của một số sản phẩm trên thị trường chưa cao; sự liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, làng nghề, hộ thành viên, hộ nông dân theo chuỗi giá trị chưa chặt chẽ, thiếu tính ổn định, nhất là trong tiêu thụ sản phẩm; giá trị HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều.

- Nhận thức của một bộ phận người dân về tính tất yếu của kinh tế tập thể, HTX trong gắn kết, liên kết sản xuất, để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh đối với kinh tế hộ gia đình còn hạn chế.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tiếp tục đổi mới, đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã với nhiều hình thức đa dạng, nòng cốt là các HTX với hệ thống sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa chủ lực, có quy mô lớn và sức lan tỏa gắn với phát triển làng nghề và du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

2. Tập trung phát triển kinh tế tập thể, HTX trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn; khuyến khích phát triển các HTX có quy mô lớn với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; nâng cao thu nhập, lấy lợi ích của thành viên làm trung tâm; tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

3. Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng trong quản lý HTX; từng bước quản trị hiện đại, có khả năng cạnh tranh và thích nghi với thay đổi của thị trường; đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ quản trị HTX.

4. Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tập thể, HTX. Huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực kinh tế tập thể.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh củng cố, nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, HTX trên địa tỉnh; tập trung các nguồn lực hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm của HTX; tăng cường năng lực của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng khu vực; xây dựng mối liên kết chặt chẽ, hợp tác đa dạng, bền vững giữa HTX với các chủ thể kinh tế, góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; gắn phát triển HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025

2.1. Hằng năm, thành lập mới 100 THT trở lên và từ 30 HTX trở lên, trong đó ít nhất có 20 HTX nông nghiệp; đến hết năm 2025 phát triển thêm 5 Liên hiệp hợp tác xã.

2.2. Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả đạt trên 65%.

2.3. Thu nhập bình quân của thành viên và người lao động trong HTX hằng năm tăng từ 10% trở lên.

2.4. Phần đầu có trên 15% số HTX nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó 50% hợp tác xã có liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

2.5. Trên 70% HTX có cán bộ quản lý có trình độ sơ cấp trở lên, trong đó ít nhất 35% HTX có cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng trở lên.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể (HTX, Liên hiệp HTX, Quỹ tín dụng nhân dân)

Kinh phí thực hiện: **18.210 triệu đồng** (ngân sách tỉnh)

Trong đó:

1.1. Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tập thể theo Đề án: 10.350 triệu đồng

Trong đó:

1.1.1. Tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn thành lập Hợp tác xã cho các sáng lập viên và người dân có nhu cầu thành lập tổ chức kinh tế tập thể: **6.300 triệu đồng** (28 lớp/năm x 45 triệu đồng/lớp x 5 năm).

1.1.2. Hỗ trợ kinh phí thành lập mới HTX, Liên hiệp HTX: **4.050 triệu đồng**. Bao gồm:

- Tiếp tục hỗ trợ cho các HTX, Liên hiệp HTX đã thành lập mới trong giai đoạn 2017-2020 có hồ sơ đề nghị nhưng chưa được hưởng: **1.050 triệu đồng** (gồm 79 HTX và 02 Liên hiệp HTX), cụ thể như sau:

+ Quy mô từ 7 đến 20 thành viên (hỗ trợ 10 triệu đồng/HTX): 66 HTX x 10 triệu đồng/HTX = 660 triệu đồng;

+ Quy mô từ 21 đến 50 thành viên (hỗ trợ 20 triệu đồng/HTX): 10 HTX x 20 triệu đồng/HTX = 200 triệu đồng;

+ Quy mô từ 51 thành viên trở lên (hỗ trợ 30 triệu đồng/HTX): 3 HTX x 30 triệu đồng/HTX = 90 triệu đồng;

+ Liên hiệp Hợp tác xã (hỗ trợ 50 triệu đồng/LHHTX): 2 LHHTX x 50 triệu đồng/LHHTX = 100 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí thành lập mới các Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là HTX), Liên hiệp HTX giai đoạn 2021-2025: **3.000 triệu đồng**:

+ Quy mô từ 7 đến 20 thành viên (hỗ trợ 10 triệu đồng/HTX): 25 HTX/năm x 10 triệu đồng/HTX x 5 năm = 1.250 triệu đồng;

+ Quy mô từ 21 đến 50 thành viên (hỗ trợ 20 triệu đồng/HTX): 12 HTX/năm x 20 triệu đồng/HTX x 5 năm = 1.200 triệu đồng;

+ Quy mô từ 51 thành viên trở lên (hỗ trợ 30 triệu đồng/HTX): 02 HTX/năm x 30 triệu đồng/HTX x 5 năm = 300 triệu đồng;

+ Liên hiệp Hợp tác xã: (hỗ trợ 50 triệu đồng/LHHTX): 5 LHHTX/giai đoạn x 50 triệu đồng/LHHTX = 250 triệu đồng.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX

- Đối tượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Cán bộ, công chức cấp xã, cán bộ ở xóm, tổ dân phố và nhân dân ở các địa phương.

- Nội dung: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HTX và các chính sách có liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể (hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển kinh tế tập thể (25 lớp/năm x 40 triệu đồng/lớp x 5 năm).

- Kinh phí thực hiện: **5.000 triệu đồng** (ngân sách tỉnh)

1.3. Rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX, Liên hiệp HTX yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX: 2.860 triệu đồng (ngân sách tỉnh).

1.3.1. Củng cố tổ chức kinh tế tập thể: **2.860 triệu đồng**,

Trong đó:

- Liên minh HTX tỉnh tổ chức: **1.860 triệu đồng** (3 lớp/năm x 5 năm x 124 triệu đồng/lớp).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: **1.000 triệu đồng**.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- HTX, Liên hiệp HTX đang hoạt động, hoạt động kém hiệu quả hoặc có nhu cầu phát triển mở rộng;

- HTX, Liên hiệp HTX được sáp nhập, hợp nhất, chia HTX, Liên hiệp HTX.

b) Nội dung và hình thức hỗ trợ:

- Tổ chức các lớp tư vấn, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX.

- Cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về HTX; hỗ trợ tư vấn xây dựng/sửa đổi điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động theo quy định hiện hành.

- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tay nghề, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh cho cán bộ HTX và thành viên.

1.3.2. Hướng dẫn giải thể đối với các HTX, Liên hiệp HTX đã ngừng hoạt động gồm hình thức giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc

Kinh phí giải thể sử dụng từ các nguồn tài chính còn lại của HTX, Liên hiệp HTX; trường hợp không đủ thì sử dụng nguồn ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký HTX, Liên hiệp HTX (*Điều 19 Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX*).

2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

Kinh phí thực hiện: **38.295,74 triệu đồng**,

- Ngân sách Trung ương: 27.875 triệu đồng,

- Ngân sách tỉnh: 10.420,74 triệu đồng.

2.1. Công tác bồi dưỡng: 27.875 triệu đồng (ngân sách Trung ương)

2.1.1. Bồi dưỡng thành viên, người lao động của các HTX, tổ hợp tác: **21.000 triệu đồng**.

- Đối tượng: Thành viên và người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể;

- Nội dung: Bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng quản trị hợp tác xã, tổ hợp tác; phương pháp xây dựng phương án sản xuất kinh doanh; chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng nâng cao tay nghề, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...

- Mức hỗ trợ: Chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát;

chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước.

2.1.2. Bồi dưỡng công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh HTX, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên về kinh tế tập thể các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp: **6.875 triệu đồng**

- Cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài, bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định;

- Bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn ở trong nước.

2.2. Hỗ trợ đưa cán bộ trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể: 10.420,74 triệu đồng (ngân sách tỉnh)

- Đối tượng hỗ trợ: Người tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học.

- Điều kiện hỗ trợ: cam kết làm việc lâu dài tại tổ chức kinh tế tập thể, tốt nghiệp các ngành phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm của tổ chức kinh tế tập thể (*kế toán, nhân viên kinh doanh, cán bộ phụ trách chuyên môn kỹ thuật trong HTX...*).

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 3 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

- Kinh phí:

+ Tiếp tục hỗ trợ cho các HTX đã được hưởng chính sách này từ năm 2019 (11 người), năm 2020 (14 người): 2.274,3 triệu đồng.

+ Hỗ trợ cho các HTX được hưởng chính sách này giai đoạn 2021-2025: $(10 \text{ người/năm} \times 1,5 \text{ lần mức lương tối thiểu vùng/tháng} \times 36 \text{ tháng}) : 8.146,44$ triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 03)

3. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Kinh phí thực hiện: **52.360 triệu đồng** (Ngân sách Trung ương: 42.600 triệu đồng, Ngân sách tỉnh: 9.760 triệu đồng)

Bao gồm:

- Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ trong nước: **10.800 triệu đồng** (Ngân sách Trung ương: **9.800 triệu đồng**; ngân sách tỉnh: **1.000 triệu đồng**).

- Hỗ trợ thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu và bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể tại các thành phố, thị xã, huyện (ngân sách tỉnh): **1.260 triệu đồng** (*7 địa điểm/năm x 3 năm x 60 triệu đồng/năm*).

- Tổ chức Tuần lễ trưng bày sản phẩm và kết nối cung cầu cho các HTX hàng năm (ngân sách tỉnh): **2.500 triệu đồng** (*01 lần/năm x 500 triệu đồng/năm x 5 năm*).

- Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài (ngân sách Trung ương): **10.000 triệu đồng** (*02 hội chợ/năm x 1.000 triệu đồng/hội chợ/năm x 5 năm*).

- Xây dựng Trung tâm xúc tiến thương mại tại thành phố Thái Nguyên (bán và giới thiệu sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể): **12.000 triệu đồng/giai đoạn** (ngân sách Trung ương).

- Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể: **3.300 triệu đồng/giai đoạn** (ngân sách Trung ương).

- Hỗ trợ HTX đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (ngân sách Trung ương): **7.500 triệu đồng** (*1.000 triệu đồng/năm x 5 năm*).

- Hỗ trợ các HTX xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, đào tạo tập huấn, tuyên truyền phổ biến các tiến bộ kỹ thuật mới: 1.000 triệu đồng/năm x 5 năm = **5.000 triệu đồng** (*nguồn kinh phí từ sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh*).

4. Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ

UBND tỉnh sẽ lựa chọn 05 HTX trên địa bàn tỉnh có đủ điều kiện để đăng ký tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ theo các tiêu chí:

- Lĩnh vực nông nghiệp

+ Mô hình HTX vừa sản xuất, vừa tham gia thị trường (sản giao dịch nông sản);

+ Mô hình HTX tích tụ, tập trung ruộng đất có quy mô lớn và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất;

+ Mô hình HTX nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, sơ chế/chế biến và đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản;

+ Mô hình HTX ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Mô hình HTX phát triển nông lâm thủy sản bền vững;

+ Mô hình HTX sản xuất sản phẩm OCOP, gắn với du lịch nông thôn, miền núi.

- Lĩnh vực phi nông nghiệp

+ Mô hình HTX hoạt động xây dựng;

+ Mô hình HTX giao thông vận tải;

+ Mô hình HTX tiêu thụ công nghiệp gắn với phục hồi và phát triển làng nghề truyền thống.

5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, nhà xưởng, trang thiết bị chế biến sản phẩm cho các HTX, Liên hiệp HTX

- Đối với hợp tác xã nông nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

- Đối với hợp tác xã phi nông nghiệp: Thực hiện theo các chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các sở, ngành có liên quan của tỉnh hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc hướng dẫn các HTX, Liên hiệp HTX xây dựng dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

6. Bổ sung nguồn vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thái Nguyên: 40.000 triệu đồng (ngân sách tỉnh)

Hàng năm, ngân sách tỉnh cấp bổ sung cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh tối thiểu 8.000 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện: **40.000 triệu đồng** (8.000 triệu đồng/năm x 5 năm).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 148.865,74 triệu đồng (Một trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trong đó:

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh: 78.390,74 triệu đồng

1.1.1. Vốn Ngân sách tỉnh cấp để thực hiện Đề án là: 73.390,74 triệu đồng, gồm:

- Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể (HTX, Liên hiệp HTX, Quỹ tín dụng nhân dân): **18.210 triệu đồng.**

- Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể: **10.420,74 triệu đồng.**

- Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: **4.760 triệu đồng.**

- Bổ sung nguồn vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thái Nguyên: **40.000 triệu đồng.**

1.1.2. Vốn sự nghiệp tham gia phối hợp thực hiện Đề án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh: 5.000 triệu đồng (Hỗ trợ các tổ chức KTTT xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ kỹ thuật mới...).

2. Kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương: 70.475 triệu đồng, trong đó:

2.1. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể: **27.875 triệu đồng.**

2.2. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: **42.600 triệu đồng.**

3. Nguồn ngân sách cấp cho thực hiện Đề án: Được bố trí từ nguồn kế hoạch vốn trung hạn và sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 của trung ương và địa phương.

(Chi tiết tại biểu số 02)

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với phát triển kinh tế tập thể; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về bản chất của kinh tế tập thể, hợp tác xã nhất là HTX kiểu mới; vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, dự báo xu hướng phát triển, huy động các nguồn lực để hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX; phổ biến, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tiêu biểu, hoạt động hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền về bản chất, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người dân; tránh tình trạng nhận thức không thống nhất, không đầy đủ, bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình HTX kiểu cũ; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của các cấp, các ngành.

2. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã

2.1. Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX

- Ở cấp tỉnh: Rà soát, đánh giá bộ máy để bố trí cho phù hợp lực lượng cán bộ thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước

về kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng để hoàn thành nhiệm vụ.

- Ở cấp huyện: Phân công và nâng cao chất lượng, trách nhiệm của tổ chức, cán bộ tham mưu phụ trách công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn, đảm bảo nắm chắc tình hình hoạt động và tham mưu giải quyết kịp thời các việc liên quan đến hoạt động của HTX.

- Ở cấp xã: Phải quan tâm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể theo quy định; tạo điều kiện để tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn hoạt động đúng luật và có hiệu quả; phối hợp với các cơ quan cấp trên trong thực hiện các thủ tục hỗ trợ cho tổ hợp tác và HTX trên địa bàn.

2.2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể

Các cơ quan được phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể phải đưa công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của hợp tác xã thành nhiệm vụ công tác thường xuyên; hằng năm, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan (cơ quan thuộc UBND cùng cấp, thuế, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội...) có kế hoạch cụ thể để tiến hành kiểm tra, rà soát định kỳ để kịp thời đánh giá tình hình hoạt động, động viên khen thưởng những mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả tốt, phát hiện và chấn chỉnh các vi phạm.

3. Tập trung nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và các tổ chức để hỗ trợ các mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị, HTX sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

4. Bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai thông qua mô hình kinh tế tập thể, HTX, Liên hiệp hợp tác xã

- Chuyển đổi sang các mô hình sản xuất; kinh doanh thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai, sinh thái mới. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu tốt với sự biến đổi của khí hậu, tham gia bảo hiểm sản xuất nông lâm nghiệp trước các thảm họa về biến đổi khí hậu...

- Cải tạo nâng cấp hạ tầng, đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn chất lượng vệ sinh thực phẩm, sản phẩm hữu cơ... đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

- Nghiên cứu và áp dụng các thành tựu, sản phẩm khoa học thích ứng với biến đổi khí hậu vào thực tế.

- Phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu (nguyên nhân, tác động và giải pháp ứng phó khẩn cấp...) cho các thành viên, người lao động trong các HTX, Liên hiệp HTX và tổ hợp tác.

5. Nâng cao trách nhiệm của Liên minh HTX tỉnh trong công tác tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế tập thể, HTX phát triển toàn diện

- Liên minh HTX tỉnh chủ động bám sát cơ sở; chủ động tiếp cận, tư vấn, hỗ trợ cho thành viên; nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, bất cập và vướng mắc về hoạt động, chính sách và pháp luật để phản ánh cho cơ quan chức năng; đồng thời tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX.

- Nâng cao chất lượng công tác thông tin, báo cáo tình hình kinh tế tập thể, HTX cho cấp uỷ và chính quyền địa phương, Liên minh HTX Việt Nam; hướng dẫn HTX, liên hiệp HTX, phản ánh kịp thời khó khăn, thiệt hại sản xuất, kinh doanh của HTX cho cấp uỷ và chính quyền địa phương xử lý.

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển các tổ chức kinh tế tập thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Nắm bắt và phản ánh chính xác tình hình hoạt động của kinh tế tập thể, HTX; mở rộng khả năng và phạm vi cung cấp dịch vụ công, xúc tiến thương mại cho phần lớn HTX, tư vấn và hỗ trợ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên.

6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong công tác tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế tập thể

Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, HTX gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới - Đô thị văn minh” và phong trào “Đoàn kết, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế” trong giai đoạn hiện nay. Qua đó tích cực vận động người dân tham gia vào HTX; tham gia tư vấn, hỗ trợ, thành lập mới HTX và xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, HTX kiểu mới.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, HTX

Tiếp tục duy trì hợp tác với các tổ chức phi Chính phủ đang triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ HTX, đồng thời mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế

với các tổ chức khác nhằm tranh thủ sự giúp đỡ hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh.

8. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước do các cấp, các ngành phát động

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong lĩnh vực kinh tế tập thể, xây dựng các điển hình tiên tiến; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua phát triển kinh tế tập thể, HTX.

VI. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Về mặt kinh tế

- Kết quả thực hiện Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 sẽ tạo điều kiện cho các HTX, Liên hiệp HTX nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế, tăng giá trị lợi nhuận cũng như tạo việc làm, nâng cao đời sống của chính các thành viên HTX.

- Phát triển đa dạng các loại hình HTX tại các địa phương sẽ trở thành đầu tàu kinh tế của khu vực kinh tế tập thể, góp phần thu hút các HTX khác tham gia, tạo động lực cho các HTX cùng phát triển, góp phần nâng cao tốc độ, hiệu quả và chất lượng tăng trưởng chung của kinh tế trên địa bàn tỉnh

- Tăng cường việc liên kết, gắn kết hữu cơ, sản xuất theo chuỗi giá trị giữa các thành viên, với doanh nghiệp bên ngoài ở tất cả các khâu chế biến, tiêu thụ, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ...; gắn nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, từ đó mang lại nhiều lợi ích hơn cho các thành viên.

2. Về mặt chính trị

- Tổ chức HTX lan tỏa tinh thần dân chủ trong xã hội, góp phần nâng cao vai trò làm chủ đích thực trong xây dựng đất nước; mang lại lợi ích cho số đông nhân dân, nhất là nông dân với tư cách là người sản xuất, người tiêu dùng.

- Nâng cao vị thế xã hội của người lao động với tư cách là người chủ sở hữu trong HTX; là phương tiện hiệu quả mang lại lợi ích tác động trực tiếp hàng đầu vào hoạt động kinh tế, đời sống của thành viên.

3. Về mặt xã hội

- Góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm cách biệt xã hội, duy trì việc làm bền vững, tăng thu nhập cho thành viên, tăng cường tình đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích lâu dài.

- Góp phần phát huy lan tỏa giá trị tốt đẹp về văn hóa của HTX ra toàn xã hội, như: tính trung thực, công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch, tinh thần giúp đỡ tương trợ lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi, ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ý thức chăm lo cộng đồng, xã hội.

- Góp phần tạo sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội ngay tại địa bàn cơ sở và cho toàn xã hội; góp phần vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; mang tính nhân văn sâu sắc.

4. Về mặt môi trường

Góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai nhờ áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, có biện pháp quản lý, sử dụng đất thích hợp để giảm thiểu, cải thiện tình trạng lãng phí ruộng đất. Hạn chế sử dụng chất hóa học trong sản xuất

nông nghiệp, chuyển dần sang nền nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc xử lý chất thải trước khi xả thải ra môi trường.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh - cơ quan Thường trực của Đề án

- Chủ trì và phối hợp triển khai thực hiện Đề án, theo dõi, tổng hợp và định kỳ báo cáo UBND tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện Đề án.

- Thực hiện ký kết Chương trình phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh. Hàng năm phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã tổ chức các lớp tuyên truyền Luật Hợp tác xã và các chính sách phát triển kinh tế tập thể đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao nghiệp vụ quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cán bộ theo dõi, tư vấn hỗ trợ và phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tốt phong trào thi đua yêu nước trong lĩnh vực kinh tế tập thể. Hàng năm bình xét các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp vào phát triển kinh tế tập thể, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở nguồn lực của Trung ương, phối hợp với Liên minh hợp tác xã và các sở, ngành liên quan lồng ghép các nguồn vốn (Trung ương, địa phương) để báo cáo UBND tỉnh cân đối kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung của Đề án thuộc nguồn vốn đầu tư.

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh và định hướng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, hướng dẫn Liên minh HTX tỉnh, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể hàng năm; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn công tác củng cố, đổi mới, phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổng hợp nhu cầu kinh phí, cân đối nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

3. Sở Tài chính

Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi Ngân sách nhà nước hiện hành, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan đơn vị thực hiện các nội dung của Đề án thuộc nguồn vốn sự nghiệp theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ngành liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nội dung liên quan đến thực hiện Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025.

- Hỗ trợ các địa phương thành lập mới các HTX nông, lâm nghiệp. Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ về kỹ thuật cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

- Huy động các nguồn lực đầu tư vào phát triển HTX, Liên hiệp HTX ứng dụng công nghệ cao, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa chủ lực, nông sản an toàn, hữu cơ, sản phẩm OCOP của địa phương.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện xây dựng chương trình khung đào tạo đối với cán bộ, thành viên HTX.

5. Sở Công Thương

Tham mưu triển khai thực hiện chương trình khuyến công, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đến các HTX, Tổ hợp tác; tư vấn,

hướng dẫn các Hợp tác xã thực hiện các chính sách hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại; giới thiệu và quảng bá sản phẩm.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ các HTX, Tổ hợp tác thực hiện các đề tài khoa học ứng dụng đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến; đăng ký chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm,...

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với các quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

8. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên

Thường xuyên đưa tin, bài trên chuyên trang, chuyên mục và tăng thời lượng đưa tin, phát sóng, đổi mới phương thức nội dung tuyên truyền về kinh tế tập thể, HTX.

9. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh nghiên cứu, đề xuất nâng cao năng lực tổ chức bộ máy Liên minh Hợp tác xã tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Hướng dẫn Liên minh Hợp tác xã tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã làm tốt công tác thi đua khen thưởng trong lĩnh vực kinh tế tập thể.

10. Sở Ngoại vụ

Chủ trì phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư từ các tổ chức phi Chính phủ nhằm phát triển kinh tế tập thể tỉnh.

11. Trường Chính trị tỉnh

Nghiên cứu lồng ghép nội dung về phát triển kinh tế tập thể vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của trường phù hợp với yêu cầu phát triển khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

12. Các sở, ban, ngành liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động Thương

binh và Xã hội, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Giao thông, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh, Ban Dân tộc...)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành mình, chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 và tổ chức triển khai thực hiện.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền sâu rộng đến đoàn viên, hội viên về phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh.

14. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX cấp huyện.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

15. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng, một năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Liên minh Hợp tác xã tỉnh (cơ quan thường trực Đề án); Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh). Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30 tháng 6, báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

BIỂU SỐ 01
TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH THÁI NGUYÊN
GIẢI ĐOẠN 2017 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch Đề án	Kết quả thực hiện	Trong đó			Đơn vị thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch Đề án
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương			
					Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn khác		
1	Vốn bổ sung cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	35.000	20.000	20.000			Liên minh HTX tỉnh	57,14
2	Tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể	5.140	5.602,493	5.602,493				108,9
3	Chính sách thu hút nguồn nhân lực	6.480	2.659,23		2.659,23			41,04
4	Hỗ trợ thành lập mới HTX, Quỹ tín dụng nhân dân, Liên hiệp HTX	3.168	2.721,8	2.721,8				82
4.1	<i>Tổ chức các lớp tập huấn cung cấp thông tin, tư vấn thành lập tổ chức KTTT, HTX cho các đối tượng là sáng lập viên có nhu cầu thành lập HTX, THT, Liên hiệp HTX</i>	1.368	1.121,8	1.121,8				82
4.2	<i>Hỗ trợ kinh phí thành lập mới HTX, Quỹ tín dụng nhân dân, Liên hiệp HTX</i>	1.800	1.600	1.600				88,89

TT	Nội dung	Kế hoạch Đề án	Kết quả thực hiện	Trong đó			Đơn vị thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch Đề án
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương			
					Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn khác		
5	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ các phòng chuyên môn theo dõi về kinh tế tập thể thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã	1.400	446,58	446,58				31,9
6	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý và thành viên HTX	12.500	6.812	3.896,7	2.915,3		Liên minh HTX tỉnh và Sở Nông nghiệp & PTNT	54,5
7	Vốn quỹ hỗ trợ phát triển HTX thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	10.000	7.400			7.400	Liên minh HTX Việt Nam	74

TT	Nội dung	Kế hoạch Đề án	Kết quả thực hiện	Trong đó			Đơn vị thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch Đề án
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương			
					Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn khác		
8	Vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm (120)	5.000	1.370			1.370	Ngân hàng chính sách xã hội	27,4
9	Nguồn kinh phí khuyến công và xúc tiến thương mại từ Bộ Công Thương và Ngân sách tỉnh	5.000	2.500	2.500			Sở Công Thương	50
10	Nguồn kinh phí hỗ trợ ứng dụng Khoa học và đổi mới thiết bị công nghệ	2.000	4.549	2.589		1.960	Sở Khoa học và Công nghệ	227,45
11	Vốn Công đoàn hỗ trợ cho các thành viên HTX vay vốn để phát triển sản xuất	3.000	6.440	6.440			Liên đoàn Lao động tỉnh	214,6

TT	Nội dung	Kế hoạch Đề án	Kết quả thực hiện	Trong đó		Đơn vị thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch Đề án	
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương			
					Chương trình MTQG xây dựng NTM			Nguồn khác
Tổng cộng		88.688	60.501,103	44.196,573	5.574,53	10.730	68,21	
					16.304,53			

BIỂU SỐ 02
TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH THÁI NGUYÊN
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ				148.865,74	70.475	78.390,74
I	Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể (HTX, Liên hiệp HTX, Quỹ tín dụng dân nhân)				18.210	0	18.210
1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tập thể theo Đề án				10.350	0	10.350
1.1	Tổ chức các lớp tập huấn cung cấp thông tin, tư vấn thành lập tổ chức KTTT, HTX cho các đối tượng là sáng lập viên có nhu cầu thành lập HTX, THT, Liên hiệp HTX	Lớp	140	45	6.300	0	6.300
1.2	Hỗ trợ kinh phí thành lập mới HTX, Liên hiệp HTX				4.050	0	4.050
1.2.1	Tiếp tục hỗ trợ cho các HTX, Liên hiệp HTX đã thành lập mới giai đoạn 2017-2020 có hồ sơ đề nghị nhưng chưa được hưởng	Đơn vị	81			0	
	Quy mô HTX từ 7 đến 20 thành viên	HTX	66	10	660	0	660
	Quy mô HTX từ 21 đến 50 thành viên	HTX	10	20	200	0	200

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ				148.865,74	70.475	78.390,74
	Quy mô HTX từ 51 thành viên trở lên	HTX	3	30	90	0	90
	Hỗ trợ thành lập mới Liên hiệp HTX	LMHTX	2	50	100	0	100
1.2.2	Hỗ trợ HTX, Liên hiệp HTX thành lập mới giai đoạn 2021-2025	Đơn vị				0	
	Quy mô HTX từ 7 đến 20 thành viên	HTX	125	10	1.250	0	1.250
	Quy mô HTX từ 21 đến 50 thành viên	HTX	60	20	1.200	0	1.200
	Quy mô HTX từ 51 thành viên trở lên	HTX	10	30	300	0	300
	Hỗ trợ thành lập mới Liên hiệp HTX	LMHTX	5	50	250	0	250
2	Tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX				5.000	0	5.000
	Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, Luật HTX và các chính sách phát triển KTTT cho các địa phương trên địa bàn tỉnh	Lớp	125	40	5.000	0	5.000

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ				148.865,74	70.475	78.390,74
3	Rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX				2.860	0	2.860
3.1	Tổ chức các lớp tư vấn, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX phù hợp với các quy định hiện hành.				2.860	0	2.860
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	Lớp	15	124	1.860	0	1.860
	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>				1.000	0	1.000
3.2	Hướng dẫn giải thể đối với các HTX đã ngừng hoạt động						
II	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể				38.295,74	27.875	10.420,74
1	Công tác bồi dưỡng				27.875	27.875	0
1.1	Bồi dưỡng thành viên, người lao động của các HTX				21.000	21.000	
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	Lớp	100	120	12.000	12.000	0

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ				148.865,74	70.475	78.390,74
	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>				9.000	9.000	0
1.2	Bồi dưỡng công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh HTX, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội, giảng viên về KTTT, HTX				6.875	6.875	0
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	Lớp	15	65	975	975	0
	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>				5.900	5.900	0
2	Hỗ trợ đưa cán bộ trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể				10.420,74	0	10.420,74
III	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường				52.360	42.600	9.760
1	Kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước				10.800	0	1.000
1.1	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>Hội chợ</i>	10	100	1.000	0	1.000
1.2	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>				9.800	9.800	0

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ				148.865,74	70.475	78.390,74
2	Hỗ trợ thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể tại các địa phương (7 địa điểm x 3 năm)				1.260	0	1.260
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>21</i>	<i>60</i>	<i>1.260</i>	<i>0</i>	<i>1.260</i>
3	Tổ chức Tuần lễ trưng bày sản phẩm và kết nối cung cầu cho các HTX hàng năm	Lần	5	500	2.500	0	2.500
4	Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm tại nước ngoài				10.000	10.000	0
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>Hội chợ</i>	<i>10</i>	<i>1.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>0</i>
5	Xây dựng Trung tâm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm).				12.000	12.000	0
6	Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể				3.300	3.300	0
	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: kinh phí xây dựng và triển khai</i>				<i>3.300</i>	<i>3.300</i>	<i>0</i>
7	Hỗ trợ HTX đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa				7.500	7.500	0

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ				148.865,74	70.475	78.390,74
	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>				<i>7.500</i>	<i>7.500</i>	<i>0</i>
8	Hỗ trợ các HTX xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, đào tạo tập huấn, tuyên truyền phổ biến các tiến bộ kỹ thuật mới				5.000	0	5.000
	<i>Sở Khoa học và Công nghệ</i>				<i>5.000</i>	<i>0</i>	<i>5.000</i>
VI	Bổ sung vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh	Năm	5	8.000	40.000	0	40.000

BIỂU SỐ 03
PHÂN KỲ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH THÁI NGUYÊN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
I	Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể (HTX, Liên hiệp HTX, Quỹ tín dụng nhân dân)		18.210		18.210	4.482		3.432		3.432		3.432		3.432	
1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tập thể theo Đề án		10.350		10.350	2.910		1.860		1.860		1.860		1.860	
1.1	Tổ chức các lớp tập huấn cung cấp thông tin, tư vấn thành lập tổ chức KTTT, HTX cho các đối tượng là sáng lập viên có nhu	Liên minh HTX tỉnh	6.300		6.300	1.260		1.260		1.260		1.260		1.260	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
	câu thành lập HTX, THT, Liên hiệp HTX														
1.2	Hỗ trợ kinh phí thành lập mới HTX, Liên hiệp HTX	Liên minh HTX tỉnh	4.050		4.050		1.650		600		600		600		600
1.2.1	Tiếp tục hỗ trợ cho các HTX, Liên hiệp HTX đã thành lập mới giai đoạn 2017-2020 có hồ sơ đề nghị nhưng chưa được hưởng		1.050		1.050		1.050		0		0		0		0
	<i>Quy mô HTX từ 7 đến 20 thành viên</i>		660		660		660		0		0		0		0
	<i>Quy mô HTX từ 21 đến 50 thành viên</i>		200		200		200		0		0		0		0
	<i>Quy mô HTX từ 51 thành viên trở lên</i>		90		90		90		0		0		0		0

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
	Hỗ trợ thành lập mới Liên hiệp HTX		100		100		100		0		0		0		0
1.2.2	Hỗ trợ HTX, Liên hiệp HTX thành lập mới giai đoạn 2021-2025		3.000		3.000		600		600		600		600		600
	Quy mô HTX từ 7 đến 20 thành viên		1.250		1.250		250		250		250		250		250
	Quy mô HTX từ 21 đến 50 thành viên		1.200		1.200		240		240		240		240		240
	Quy mô HTX từ 51 thành viên trở lên		300		300		60		60		60		60		60
	Hỗ trợ thành lập mới Liên hiệp HTX		250		250		50		50		50		50		50
2	Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về		5.000		5.000		1.000		1.000		1.000		1.000		1.000

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
	kinh tế tập thể, HTX														
	Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, Luật HTX và các chính sách phát triển KTTT cho các địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở NN&PTNT; Liên minh HTX tỉnh	5.000		5.000		1.000		1.000		1.000		1.000		1.000
3	Rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX		2.860		2.860		572		572		572		572		572
3.1	Tổ chức các lớp tư vấn, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp		2.860		2.860		572		572		572		572		572

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
	củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX phù hợp với các quy định hiện hành														
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>1.860</i>		<i>1.860</i>		<i>372</i>		<i>372</i>		<i>372</i>		<i>372</i>		<i>372</i>
	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	<i>Sở NN & PTNT</i>	<i>1.000</i>		<i>1.000</i>		<i>200</i>		<i>200</i>		<i>200</i>		<i>200</i>		<i>200</i>
3.2	Hướng dẫn giải thể đối với các HTX đã ngừng hoạt động														
II	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể		38.295,74	27.875	10.420,74	4.395	2.274,30	4.895	2.230,20	5.395	1.972,08	6.095	1.972,08	7.095	1.972,08
1	Công tác bồi dưỡng		27.875,00	27.875		4.395		4.895		5.395		6.095		7.095	
1.1	Bồi dưỡng thành viên, người lao		21.000	21.000		3.600		3.900		4.200		4.400		4.900	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
	động của các HTX														
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>12.000</i>	<i>12.000</i>		<i>2.400</i>		<i>2.400</i>		<i>2.400</i>		<i>2.400</i>		<i>2.400</i>	
	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	<i>Sở NN & PTNT</i>	<i>9.000</i>	<i>9.000</i>		<i>1.200</i>		<i>1.500</i>		<i>1.800</i>		<i>2.000</i>		<i>2.500</i>	
1.2	Bồi dưỡng công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh HTX, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội, giảng viên về KTTT, HTX		6.875	6.875		795		995		1.195		1.695		2.195	
	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>Liên minh HTX tỉnh</i>	<i>975</i>	<i>975</i>		<i>195</i>		<i>195</i>		<i>195</i>		<i>195</i>		<i>195</i>	
	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	<i>Sở NN & PTNT</i>	<i>5.900</i>	<i>5.900</i>		<i>600</i>		<i>800</i>		<i>1.000</i>		<i>1.500</i>		<i>2.000</i>	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
2	Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể, trong đó:	Liên minh HTX tỉnh	10.420,74		10.420,74		2.274,30		2.230,20		1.972,08		1.972,08		1.972,08
	Tiếp tục hỗ trợ cho đối tượng đã được hưởng từ năm 2019 và năm 2020		2.532,42		2.532,42		1.616,94		915,48		0		0		0
	Hỗ trợ cho đối tượng được hưởng mới giai đoạn 2021 - 2025		7.888,32		7.888,32		657,36		1.314,72		1.972,08		1.972,08		1.972,08
III	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường		52.360	42.600	9.760	6.500	1.500	9.100	2.320	14.000	2.120	6.000	2.120	7.000	1.700
1	Kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước		10.800	9.800	1.000	1.500	100	1.800	300	2.000	200	2.000	200	2.500	200
1.1	Liên minh HTX tỉnh	Liên minh HTX	1.000		1.000		100		300		200		200		200

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
		<i>tỉnh</i>													
1.2	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở NN & PTNT	9.800	9.800		1.500		1.800		2.000		2.000		2.500	
2	Hỗ trợ thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể tại các địa phương (07 địa điểm * 3 năm * 60 tr.đồng/địa điểm/năm)	Liên minh HTX tỉnh	1.260		1.260		0		420		420		420		0
3	Tổ chức Tuần lễ trưng bày sản phẩm và kết nối cung cầu cho các HTX hàng năm	Liên minh HTX tỉnh	2.500		2.500		400		600		500		500		500

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
4	Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm tại nước ngoài	Liên minh HTX tỉnh	10.000	10.000		2.000		2.000		2.000		2.000		2.000	
5	Xây dựng Trung tâm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm).		12.000	12.000			4.000			8.000					
6	Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể	Sở NN & PTNT	3.300	3.300		2.000		100		500		200		500	
7	Hỗ trợ HTX đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa	Sở NN & PTNT	7.500	7.500		1.000		1.200		1.500		1.800		2.000	
8	Hỗ trợ các tổ chức KTTT xây dựng và	Sở KH&CN	5.000		5.000		1.000		1.000		1.000		1.000		1.000

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Phân kỳ									
						Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ		148.865,74	70.475	78.390,74	10.895	16.256,30	13.995	15.982,20	19.395	15.524,08	12.095	15.524,08	14.095	15.104,08
	phát triển thương hiệu sản phẩm, đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ kỹ thuật mới...														
IV	Bộ sung vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh	Liên minh HTX tỉnh	40.000		40.000		8.000		8.000		8.000		8.000		8.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1117/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Trung tâm dịch vụ và thi đấu thể thao tỉnh Thái Nguyên theo hình thức đôi tác công tư (PPP) – Hợp đồng BOO

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đôi tác công tư năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 684/TTr-SKHĐT ngày 26/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Trung tâm dịch vụ và thi đấu thể thao tỉnh Thái Nguyên theo hình thức đôi tác công tư (PPP) – Hợp đồng BOO.

Lý do:

- Dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đôi tác công tư năm 2020.

- Dự án chưa thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và không thuộc đối tượng dự án chuyên tiếp quy định tại Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đôi tác công tư năm 2020.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*cơ quan chủ trì lập đề xuất dự án*) đề nghị chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Trung tâm

dịch vụ và thi đấu thể thao tỉnh Thái Nguyên theo hình thức đối tác công tư (PPP) – Hợp đồng BOO tại Tờ trình số 574/TTr-SVHTTDL ngày 18/3/2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nộp bản chính và bản sao (nếu có) Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định chấm dứt hiệu lực pháp lý và thu hồi Quyết định phê duyệt đề xuất dự án. Đồng thời, yêu cầu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấm dứt toàn bộ các hoạt động có liên quan đến dự án.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị liên quan thu hồi, hủy bỏ hoặc tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thu hồi, chấm dứt hiệu lực pháp luật các văn bản liên quan đến dự án theo chức năng, nhiệm vụ được phân công (nếu có).

3. Giao UBND thành phố Thái Nguyên quản lý diện tích đất mở rộng không thuộc Trung tâm dịch vụ và thi đấu thể thao theo quy hoạch và quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trịnh Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1186/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tuyên truyền về an toàn giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người đi mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, kỳ họp tổng kết về việc thông qua Đề án “Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 584/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Thủ trưởng các cơ quan các cấp trong tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án.

- Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải công bố, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Đề án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Xuân Trường

MỤC LỤC

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1
1. Sự cần thiết.....	1
2. Cơ sở pháp lý	3
3. Căn cứ thực tiễn	4
II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ ATGT	4
1. Hiện trạng mạng lưới giao thông	4
<i>1.1. Mạng lưới giao thông đường bộ</i>	4
<i>1.2. Mạng lưới giao thông đường thủy</i>	5
<i>1.3. Mạng lưới giao thông đường sắt</i>	5
2. Phương tiện giao thông	5
3. Thực trạng công tác bảo đảm TTATGT hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	5
III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM TTATGT VÀ GIẢM TNGT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	7
1. Mục tiêu	7
2. Nhiệm vụ.....	8
3. Những giải pháp cơ bản tăng cường bảo đảm TTATGT và kéo giảm tai nạn giao thông	9
<i>3.1. Nhóm giải pháp về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành</i>	9
<i>3.2. Nhóm giải pháp về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT</i>	10
<i>3.3. Nhóm giải pháp về kết cấu hạ tầng và tổ chức giao thông</i>	12
<i>3.4. Nhóm giải pháp về vận tải và người điều khiển phương tiện</i>	13
<i>3.5. Nhóm giải pháp về công tác cưỡng chế thi hành luật</i>	14
<i>3.6. Nhóm giải pháp về cứu hộ, cứu nạn và cấp cứu tai nạn giao thông</i>	15
<i>3.7. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông</i>	15
<i>3.8. Nhóm giải pháp về nguồn kinh phí</i>	15
4. Kinh phí thực hiện đề án.....	15

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	16
1. Sở Giao thông vận tải - Cơ quan Thường trực Ban ATGT tỉnh	16
2. Công an tỉnh	18
3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	18
4. Sở Tài chính	19
5. Sở Tư pháp	19
6. Sở Giáo dục và Đào tạo	19
7. Đại học Thái Nguyên	19
8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19
9. Sở Thông tin và Truyền thông	20
10. Sở Công Thương	20
11. Sở Xây dựng	20
12. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên	20
13. Sở Y tế	21
14. Hội Chữ thập đỏ tỉnh	21
15 Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	21
16. Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội	21
17. Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	21
18. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã	22
19. Các đơn vị bảo trì đường bộ trên địa bàn	22
Phụ lục 01	
Phụ lục 02	

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TNGT	Tai nạn giao thông
UBATGTQG	Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia
GPLX	Giấy phép lái xe
TTKS	Tuần tra kiểm soát
ATGT	An toàn giao thông
TTATGT	Trật tự an toàn giao thông
BTN	Bê tông nhựa
UBND	Ủy ban nhân dân
HĐND	Hội đồng nhân dân
GPHĐ	Giấy phép hoạt động
GTVT	Giao thông vận tải
HLATGT	Hành lang an toàn giao thông
ATKT và VSMT	An toàn kỹ thuật và Vệ sinh môi trường
TT-TH	Truyền thanh - truyền hình
PT-TH	Phát thanh - Truyền hình
MTTQ	Mặt trận tổ quốc
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
GTNT	Giao thông nông thôn
VHGT	Văn hóa giao thông
CNVCLĐ	Công nhân viên chức lao động
GSHT	Giám sát hành trình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1186/QĐ-UBND
ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, nằm liền kề phía Bắc Thủ đô Hà Nội, diện tích tự nhiên trên 3.530 km², dân số gần 1,3 triệu người, gồm 8 dân tộc sinh sống.

Hệ thống giao thông thuận tiện nối liền với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Vĩnh Phúc. Trong đó, hệ thống đường bộ qua tỉnh Thái Nguyên có Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B, Quốc lộ 37, Quốc lộ 17, Quốc lộ 3C và cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, cùng với trên 4.000km đường tỉnh, đường đô thị và đường giao thông nông thôn; hệ thống đường sắt dài 98,5km gồm các tuyến Hà Nội - Quan Triều, Quan Triều - Núi Hồng, Lưu Xá - Kép và đường nội bộ của Công ty Gang thép Thái Nguyên; Thái Nguyên có 2 tuyến sông chính là sông Cầu, sông Công và 8 hồ lớn cùng với cảng Đa Phúc có hoạt động thủy nội địa.

Trên địa bàn tỉnh quy hoạch 6 khu công nghiệp; 32 cụm công nghiệp đã thu hút trên 100.000 lao động trong và ngoài tỉnh đến làm việc; ngoài ra Thái Nguyên còn là trung tâm đào tạo lớn thứ 3 toàn quốc với 9 trường Đại học, 51 trường Cao đẳng, Trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp với gần 100 nghìn học sinh, sinh viên thường xuyên học tập.

Để thực hiện tốt công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh, trong giai đoạn từ 2011 đến 2020, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với các cấp, các ngành, các địa phương đã triển khai quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT. Cùng với các Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo,

tỉnh đã ban hành 2 Đề án bảo đảm trật tự ATGT (Đề án: “Kiểm chế và đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015” và Đề án “Ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017- 2020”). Đề án đã cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 88/NQ-CP; Nghị quyết số 12/NQ-CP của Chính phủ, đồng thời bám sát với thực tế công tác bảo đảm trật tự ATGT của tỉnh Thái Nguyên. Do vậy đã góp phần quan trọng vào công tác giữ gìn ổn định tình hình trật tự ATGT và giảm TNGT trên địa bàn tỉnh.

Sau 10 năm triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp được nêu ra trong 2 Đề án, hằng năm TNGT trên địa bàn tỉnh liên tục giảm trên cả 3 tiêu chí. Năm 2010 toàn tỉnh xảy ra 955 vụ TNGT, làm chết 238 người, bị thương 1.120 người; đến năm 2020, toàn tỉnh xảy ra 165 vụ (giảm 790 vụ, bằng 82,72% so với năm 2010), làm chết 60 người (giảm 178 người, bằng 74,79% so với năm 2010), bị thương 151 người (giảm 969 người, bằng 86,52% so với năm 2010). 10 năm liên tục, Thái Nguyên giảm số người chết do tai nạn giao thông, trong đó có 9 năm giảm TNGT trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương (năm 2019 số người bị thương tăng). Kết quả đó đã đưa Thái Nguyên từ vị trí thứ 56/63 tỉnh gia tăng TNGT vào năm 2010 lên tốp đầu các tỉnh liên tục kéo giảm TNGT được Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban ATGT Quốc gia, Bộ GTVT tặng Bằng khen.

Để đạt được kết quả trên là do có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; các giải pháp chủ yếu của Đề án phù hợp, sát với thực tiễn; lực lượng thực thi công vụ có tinh thần trách nhiệm cao; sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng trong công tác bảo đảm TTATGT; cơ sở hạ tầng giao thông được cải thiện; công tác quản lý hoạt động vận tải, kiểm định phương tiện, đào tạo, sát hạch cấp GPLX được tăng cường về chất lượng; công tác tuần tra, thanh tra, kiểm soát, xử lý vi phạm đạt hiệu quả cao... Tất cả những yếu tố trên tạo nên sự thành công của Đề án.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đã đạt được, tình hình vi phạm trật tự, an toàn giao thông vẫn diễn ra phức tạp, vẫn xảy ra những vụ TNGT có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Tai nạn giao thông mặc dù đã được kéo giảm xong vẫn có nguy cơ gia tăng trở lại, nhất là trong bối cảnh đô thị hóa, sự phát triển của các khu công nghiệp, gia tăng của phương tiện. Xuất hiện tình trạng ùn tắc giao thông ở Trung tâm thành phố và các khu công nghiệp. Tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông đường bộ đang trở thành vấn đề bức xúc, ảnh hưởng đến an sinh xã hội và sự phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Những tồn tại trên là do công tác quản lý Nhà nước trong chỉ đạo và điều hành thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông có lúc chưa thường xuyên, liên tục và đồng bộ từ cấp tỉnh đến các cấp cơ sở. Cụ thể: công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực TTATGT vẫn còn những tồn tại cần khắc phục như: vai trò của Ban ATGT ở cấp cơ sở còn hạn chế; kinh phí cấp cho hoạt động của Ban ATGT cấp xã, phường, thị trấn hạn hẹp; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự ATGT và xây dựng văn hóa giao thông chưa được duy trì đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; hạ tầng giao thông khu vực nông thôn phát triển xong chưa đồng bộ với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; vi phạm lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, mở đường ngang trái phép còn phổ biến; công tác thanh tra, tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm còn nhiều hạn chế, mới chỉ tập trung tại một số địa bàn, một số nhóm đối tượng, trên các tuyến trọng điểm, trong thời gian cao điểm, chưa bảo đảm thường xuyên, liên tục trên địa bàn...

Nguyên nhân chính không thể không kể đến đó là nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật TTATGT của một bộ phận người tham gia giao thông còn nhiều hạn chế. Các hành vi vi phạm: đi không đúng phần đường, làn đường; điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ quá tốc độ cho phép; lái xe ô tô sử dụng rượu, bia; người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy có nồng độ cồn vượt quá quy định; người tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm; học sinh, sinh viên chưa đủ tuổi, không có giấy phép lái xe vẫn điều khiển xe mô tô, xe gắn máy... còn xảy ra thường xuyên, phổ biến. Những vi

phạm này là nguyên nhân chính gây tai nạn giao thông và là nguy cơ làm gia tăng tai nạn giao thông trở lại hiện nay.

Để tiếp tục ngăn chặn và đẩy lùi TNGT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, đòi hỏi phải có giải pháp tổng thể, hữu hiệu hơn về công tác bảo đảm TTATGT của cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội. Đặc biệt trong thời điểm phát triển của công nghệ 4.0 và sự bùng nổ của công nghệ thông tin. Công tác bảo đảm TTATGT cũng cần có những giải pháp phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

2. Cơ sở pháp lý

Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông;

Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm TTATGT và chống ùn tắc giao thông;

Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia bảo đảm TTATGT đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chiến lược phát triển GTNT Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án tuyên truyền về An toàn giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở giai đoạn 2020 - 2025.

Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người đi mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện.

Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 02/4/2019 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Kết luận số 45-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

3. Căn cứ thực tiễn

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2011 - 2015 và Đề án giai đoạn 2017 - 2020 (*Có báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Ngăn chặn, đẩy lùi TNGT tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 - 2020 kèm theo*) cho thấy công tác bảo đảm TTATGT luôn cần sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt và thường xuyên, liên tục các giải pháp sẽ góp phần duy trì công tác bảo đảm TTATGT và kéo giảm TNGT trên cả 3 tiêu chí.

Tốc độ đô thị hóa, phát triển các khu công nghiệp làm dịch chuyển cơ cấu lao động giữa khu vực thành thị và nông thôn; sự gia tăng phương tiện, dân số dẫn đến tình hình trật tự ATGT ngày càng có diễn biến phức tạp; vi phạm TTATGT, ùn tắc giao thông diễn ra phổ biến, TNGT vẫn ở mức cao và có nguy cơ gia tăng trở lại nếu không kịp thời có giải pháp quyết liệt.

Sự phát triển của khoa học công nghệ 4.0 đòi hỏi công tác quản lý Nhà nước trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giao thông vận tải và trật tự ATGT cần phải có sự thay đổi để thích ứng.

Hạ tầng giao thông phát triển mạnh, trong đó có giao thông nông thôn đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại. Tuy nhiên, vấn đề TTATGT trở nên phức tạp, cần có sự quan tâm kịp thời.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ ATGT

1. Hiện trạng mạng lưới giao thông

Giao thông tỉnh Thái Nguyên có 3 loại hình: đường bộ, đường thủy và đường sắt. Do đặc thù là một tỉnh Trung du miền núi, nhiều sông suối nhỏ và dốc nên giao thông đường sắt và đường thủy hạn chế, hình thức vận tải bằng đường bộ là chủ yếu.

1.1. Mạng lưới giao thông đường bộ

Trên địa bàn tỉnh hiện có 38,7 km đường cao tốc, 5 tuyến Quốc lộ với tổng chiều dài 244km, 20 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 374km, đường Quốc lộ 3 Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn) dài khoảng 22,6km. Tuyến vành

đại V từ Hiệp Hòa (Bắc Giang) qua huyện Phú Bình, thị xã Phổ Yên và TP. Sông Công sang Vĩnh Phúc dài 45km. Đường Hồ Chí Minh dài 32km, giai đoạn 1 đã hoàn thành đưa vào khai thác 17km.

Trên địa bàn tỉnh có 92 tuyến đường huyện dài 742km, có 2.240 tuyến đường xã, trên 3.232km đường xã và hàng nghìn km đường thôn, bản, nội đồng. Các tuyến đường giao thông nông thôn được nâng cấp, cải tạo, nhựa hóa, bê tông hóa đạt 8.005km.

1.2. Mạng lưới giao thông đường thủy

Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 tuyến đường thủy tiêu chuẩn đường sông cấp 4, bao gồm tuyến sông Cầu và tuyến sông Công (có tổng chiều dài 46km), chủ yếu khai thác được ở phía Nam tỉnh.

Ngoài 2 tuyến đường sông trên, một số hồ lớn hoạt động đường thủy chủ yếu phục vụ du lịch và đánh bắt cá.

1.3. Mạng lưới giao thông đường sắt

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 tuyến đường sắt đang khai thác, bao gồm:

- Tuyến đường sắt Đông Anh - Quan Triều đoạn qua Thái Nguyên từ cầu Đa Phúc tới ga Quan Triều chạy theo trục Nam - Bắc dài 34,5km.

- Tuyến đường sắt Kép - Lưu Xá đoạn qua Thái Nguyên dài 25km đã xuống cấp. Hiện tại chỉ khai thác đoạn từ ga Khúc Ròng về ga Lưu Xá phục vụ vận chuyển quặng sắt từ Trại Cau về khu Gang thép - Công ty Gang thép Thái Nguyên.

- Tuyến đường sắt Quan Triều - Núi Hồng có chiều dài 39km do Công ty Than Núi Hồng quản lý, sử dụng vào mục đích vận chuyển than.

Ngoài ra còn có hệ thống đường sắt khu Gang thép Thái Nguyên có chiều dài 38,2km phục vụ vận chuyển nội bộ.

2. Phương tiện giao thông

Trong những năm qua, phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, bình quân mỗi năm tăng trên 46.000 xe, trong đó ô tô 9.000 xe, 37.000 xe mô tô và 2.600 xe máy điện; tính đến hết năm 2020 tổng số phương tiện đang quản lý là 866.034 phương tiện, trong đó: 72.557 xe ô tô, 772.392 xe mô tô và

21.085 xe máy điện (*không kể số mô tô, xe máy, ô tô đăng ký ở các tỉnh khác và xe của Quân đội hoạt động trên địa bàn*).

Theo thống kê, toàn tỉnh có 576 đơn vị hoạt động trên lĩnh vực kinh doanh vận tải hành khách gồm: 160 xe buýt/11 tuyến, 1.861 taxi, 355 xe tuyến cố định, 800 xe du lịch. Ngoài ra còn có xe vận tải hàng hóa.

3. Thực trạng công tác bảo đảm TTATGT hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Trong những năm qua công tác ATGT nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, sự nỗ lực của Ban ATGT tỉnh, các Sở, ban ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, cơ quan báo đài trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự ATGT. Nhờ vậy, những năm qua, TNGT trên địa bàn tỉnh liên tục được kéo giảm trên cả 3 tiêu chí. Tuy nhiên, công tác quản lý Nhà nước trong chỉ đạo và điều hành thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông chưa thường xuyên, liên tục và đồng bộ từ cấp tỉnh đến các cấp cơ sở. Vai trò quản lý Nhà nước và hoạt động của Ban ATGT ở cấp cơ sở còn hạn chế.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng văn hóa giao thông đã được quan tâm, nhưng do nguồn lực và lực lượng tham gia còn hạn chế nên chủ yếu tập trung vào các đợt cao điểm, tập trung nhiều ở khối các trường học, khu công nghiệp, đội ngũ lái phụ xe; tuyên truyền tại các khu dân cư và nông thôn, miền núi còn hạn chế; triển khai công tác tuyên truyền chủ yếu là cấp tỉnh, cấp huyện; cấp xã, phường, thị trấn chưa thực sự quan tâm. Hình thức tuyên truyền vẫn thực hiện theo các phương pháp truyền thống, chưa có sự ứng dụng nhiều của công nghệ thông tin và các mạng truyền thông xã hội...

Cơ sở hạ tầng giao thông mặc dù được quan tâm đầu tư, xong chưa theo kịp với sự gia tăng phương tiện, lượng người tham gia giao thông; giao thông nông thôn những năm gần đây được đầu tư phát triển mạnh, tuy nhiên mới chỉ quan tâm cứng hóa mặt đường; hành lang an toàn giao thông, các công trình, thiết bị bảo đảm ATGT như hệ thống biển báo, vạch kẻ đường... hầu như chưa

được quan tâm, dẫn đến tình trạng TNGT khu vực nông thôn đang có chiều hướng gia tăng.

Công tác tổ chức giao thông còn nhiều bất cập như: việc phân làn, phân luồng giao thông chưa phù hợp, việc bố trí các biển báo, đèn tín hiệu còn thiếu, điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT chậm khắc phục do thiếu kinh phí; lấn chiếm làn đường vỉa hè, hành lang an toàn giao thông để họp chợ kinh doanh vẫn xảy ra; đường ngang dân sinh mở trái phép qua đường sắt còn tồn tại nhiều, tiềm ẩn nguy cơ gây tai nạn chưa được giải tỏa kịp thời.

Công tác TTKS, xử lý vi phạm mặc dù lực lượng CSGT đã có nhiều cố gắng trong công tác xử lý vi phạm về TTATGT nhưng do còn mỏng về lực lượng, nên chỉ tập trung TTKS trên các tuyến quốc lộ, khu vực thành thị, khu đông dân cư; khu vực nông thôn, miền núi chưa được duy trì thường xuyên. Trang thiết bị, công cụ hỗ trợ còn thiếu, chưa đồng bộ nên việc xử lý vi phạm quy định về TTATGT còn hạn chế.

Ý thức của một bộ phận người tham gia giao thông hạn chế, lỗi vi phạm quy tắc giao thông còn nhiều, tình trạng lái xe sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông còn khá phổ biến, đặc biệt trong những dịp Tết và Lễ hội. Xuất hiện tình trạng thanh, thiếu niên tụ tập bốc đầu xe và đi xe với tốc độ cao.

Tai nạn giao thông mặc dù đã được kéo giảm, song vẫn còn xảy ra các vụ TNGT rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn. Còn tình trạng ùn tắc giao thông cục bộ vào giờ cao điểm trên một số tuyến đường trong thành phố Thái Nguyên; tình trạng xe ô tô dừng, đỗ, đón, trả khách... không đúng nơi quy định, đặc biệt trên tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên nhưng không được xử lý dứt điểm.

Hoạt động của Ban ATGT các cấp cơ sở ở nhiều nơi còn hạn chế, chưa phát huy vai trò do chưa có sự quan tâm đúng mức của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Kinh phí dành cho việc triển khai thực hiện công tác bảo đảm trật tự ATGT chưa đạt kế hoạch đề ra, đặc biệt là đối với cấp xã, phường, thị trấn chưa được cấp kinh phí thực hiện công tác an toàn giao thông.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM TRẬT TỰ ATGT VÀ GIẢM TNGT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đề án “*Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi TNGT tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025*” phải bảo đảm tính kế thừa của Đề án “*Ngăn chặn, đẩy lùi TNGT tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020*”, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và các nhiệm vụ, giải pháp tổng thể trong Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phát huy những ưu điểm, khắc phục được các hạn chế và bổ sung các giải pháp phù hợp với giai đoạn phát triển mới bảo đảm tính liên tục, lâu dài, bền vững nhằm duy trì trật tự xã hội trong lĩnh vực giao thông vận tải, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện khi tham gia giao thông.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Tiếp tục phấn đấu hằng năm giảm tối thiểu từ 5% trở lên trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương do TNGT, đặc biệt chú trọng giảm tai nạn liên quan đến người sử dụng mô tô, xe gắn máy và nguyên nhân từ rượu, bia. Đến năm 2025 giảm tỷ lệ người chết do TNGT xuống mức 0,65 người/10.000 phương tiện; 0,46 người/10.000 dân.

Xây dựng ý thức tự giác chấp hành luật của người tham gia giao thông, trước hết là của người điều khiển phương tiện giao thông. Xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng. 100% các bậc học phải được tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT. 100% người tham gia giao thông được tuyên truyền phổ biến kiến thức, pháp luật về trật tự ATGT. Hạn chế ùn tắc giao thông khu vực Trung tâm thành phố và các khu công nghiệp.

Nâng tỷ lệ người dân đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn chất lượng lên 90% trở lên. 100% học sinh vào học lớp 1 được trao tặng miễn phí MBH.

100% các lái, phụ xe, quản lý các doanh nghiệp vận tải được tập huấn nghiệp vụ vận tải và ATGT, được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

100% các công trường học nằm trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các trục đường chính đô thị được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý, đầy đủ công trình, thiết bị phụ trợ đảm bảo an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông.

Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống giao thông thông minh, hệ thống giám sát an ninh thông minh tại thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên.

Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là đối với cấp chính quyền cơ sở; nâng cao năng lực, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người thực thi công vụ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Nâng cấp, cải tạo và tăng cường điều kiện an toàn của kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Xóa bỏ các điểm đen TNGT đường bộ. Không để phát sinh đường ngang, lối đi tự mở qua đường sắt, hoàn thành lộ trình xóa bỏ các lối đi tự mở qua đường sắt. Bảo đảm hành lang ATGT.

2. Nhiệm vụ

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; Chiến lược Quốc gia về bảo đảm TTATGT đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện các giải pháp trong công tác bảo đảm TTATGT.

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, bổ sung các quy định về tổ chức bộ máy, chế độ chính sách đối với lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thực thi công vụ, chú trọng các khâu quản lý kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải, đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, đăng ký, đăng kiểm phương tiện, thanh tra, tuần tra, kiểm soát; ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý Nhà nước về GTVT và TTATGT.

Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông; nâng cao chất lượng thẩm định ATGT đối với các công trình giao thông; tổ chức giao thông an toàn, khoa học, phù hợp với cơ sở hạ tầng giao thông; quan tâm công tác bảo trì, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng giao thông, xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT, quản lý tốt hành lang giao thông; đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới đường giao thông nông thôn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Quản lý tốt hoạt động vận tải, đảm bảo điều kiện an toàn của phương tiện cơ giới đường bộ; nâng cao chất lượng phục vụ vận tải hành khách công cộng, tăng cường kiểm tra, giám sát thông qua thiết bị giám sát hành trình; duy trì kiểm tra tải trọng phương tiện; đẩy mạnh thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo sát hạch cấp GPLX, xây dựng đội ngũ lái xe có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Quan tâm đầu tư xây dựng các bến xe, bãi đỗ, điểm đỗ xe tĩnh.

Xây dựng Văn hóa giao thông và nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông. Tập trung tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng và hành vi tham gia giao thông an toàn kết hợp với công tác xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông. Lồng ghép mục tiêu ATGT và GTVT bền vững vào trong các chương trình hoạt động của tất cả các tổ chức.

Xây dựng hệ thống cứu hộ, cứu nạn và cấp cứu y tế tai nạn giao thông trên các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh đảm bảo ứng phó kịp thời khi xảy ra tai nạn giao thông. Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu chấn thương do tai nạn giao thông cho lực lượng thực thi công vụ, đội ngũ lái xe và người dân dọc các tuyến giao thông.

3. Những giải pháp cơ bản tăng cường bảo đảm trật tự ATGT và kéo giảm tai nạn giao thông

3.1. Nhóm giải pháp về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành

3.1.1. Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo của chính quyền, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị đối với công tác bảo đảm TTATGT.

Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành, các đơn vị, địa phương xác định công tác đảm bảo TTATGT là nhiệm vụ chính trị thường xuyên trong

chương trình, kế hoạch công tác hằng năm. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 30/NQ-CP của Chính phủ; Chiến lược Quốc gia về bảo đảm trật tự ATGT đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động số 32-CTr/TU của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 45-KL/TW của Ban Bí thư.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản phù hợp với tình hình thực tế. Quy định rõ trách nhiệm quản lý của các cấp chính quyền, xác định rõ vai trò của người đứng đầu. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tập thể và cá nhân trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về TTATGT.

Quan tâm công tác thi đua khen thưởng, kịp thời động viên, khuyến khích các tập thể và cá nhân có thành tích trong công tác bảo đảm trật tự ATGT.

Định kỳ kiểm tra việc ban hành Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của các cấp ủy; công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội các cấp về công tác bảo đảm TTATGT.

3.1.2. Nâng cao năng lực, trách nhiệm trong công tác bảo đảm TTATGT các cấp

Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ cán bộ tham mưu, triển khai thực hiện công tác bảo đảm TTATGT của các cơ quan thành viên Ban ATGT tỉnh, Ban ATGT các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, trường học.

Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên tham gia thực hiện công tác bảo đảm TTATGT, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và nhân dân. Triển khai thực hiện những quy định về chấp hành pháp luật về TTATGT và xây dựng văn hóa giao thông vào việc xây dựng cơ quan văn hóa, khu dân cư, gia đình văn hóa...

Thường xuyên kiện toàn Ban ATGT tỉnh và Ban ATGT các cấp nhằm tăng cường năng lực, trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong công tác bảo đảm trật tự ATGT.

3.1.3. Ứng dụng công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu về ATGT

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác chỉ đạo điều hành, giám sát giao thông; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự ATGT; thống kê tai nạn giao thông và xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá tình hình trật tự ATGT và TNGT.

Xây dựng trung tâm điều hành giao thông thông minh, lắp đặt hệ thống camera giám sát, xử lý vi phạm trật tự ATGT tại trung tâm thành phố Thái Nguyên, trung tâm các huyện, thành, thị, các nút giao thông trọng điểm.

3.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT

3.2.1. Tuyên truyền trong cộng đồng

Đổi mới, đa dạng nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông mạng xã hội để phục vụ công tác tuyên truyền; đẩy mạnh xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng; chú trọng tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng phòng tránh tai nạn và hậu quả của tai nạn giao thông đường bộ do vượt quá tốc độ cho phép, sử dụng ma túy, chất có cồn, sử dụng điện thoại, không đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn, không thắt dây an toàn, không sử dụng ghế cho trẻ em ngồi trong ô tô, đặc biệt các kiến thức và kỹ năng lái xe an toàn trên đường bộ cao tốc.

Đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật và chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông vào sinh hoạt thường xuyên của các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo. Tiếp tục đưa việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là một tiêu chí đánh giá chất lượng của tổ chức đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, hội viên và là một tiêu chuẩn đánh giá đạo đức cuối năm của học sinh, sinh viên.

Xây dựng và duy trì các mô hình tự quản, các câu lạc bộ, tổ, đội xung kích về ATGT. Triển khai có hiệu quả các chương trình phối hợp tuyên truyền theo chủ đề như: Tuyên truyền chủ đề “*Văn hóa giao thông*”, “*Đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe gắn máy*”, “*Phòng chống uống rượu, bia đối với người*

điều khiển phương tiện giao thông” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Duy trì và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe gắn máy. Tạo ý thức tự giác đội mũ bảo hiểm, sử dụng mũ bảo hiểm bảo đảm chuẩn chất lượng, cài quai đúng cách cho cả người lớn và trẻ em khi tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện.

Tiếp tục thực hiện “Năm An toàn giao thông”, “Tháng an toàn giao thông” và đẩy mạnh mô hình tuyên truyền “Tuần an toàn giao thông” theo các chuyên đề cụ thể tại các địa phương. Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền theo chủ đề do UBATGTQG phát động.

3.2.2. Tuyên truyền trong trường học

Đưa nội dung giáo dục an toàn giao thông, văn hóa giao thông, kỹ năng tham gia giao thông an toàn vào các trường Đại học, Cao đẳng; tăng thêm thời lượng thực hành, trải nghiệm thực tế cho tất cả các bậc học; tăng cường phối hợp giữa gia đình, Nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục an toàn giao thông cho học sinh, sinh viên.

Trang bị tài liệu, thiết bị, mô hình học cụ về an toàn giao thông cho các bậc học từ mầm non đến các trường THCS, THPT. Phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: Tuyên truyền, hội thi, hội thảo, giao lưu tìm hiểu pháp luật về TTATGT, tổ chức các tuần lễ ATGT tại các trường học.

3.2.3. Tuyên truyền ở các khu công nghiệp

Lồng ghép xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự ATGT vào chương trình tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho công nhân. Lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông vào các buổi sinh hoạt công đoàn, cuộc họp giữa công nhân với chủ doanh nghiệp...

Trang bị tủ sách pháp luật, trong đó tăng cường tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại các ký túc xá dành cho công nhân. Xây dựng pano tuyên truyền ATGT tại các nhà xe, khu ký túc xá

công nhân. Phối hợp tổ chức tập huấn nâng cao đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng lái xe an toàn cho các lái xe của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

3.2.4. Tuyên truyền cho đội ngũ lái xe chuyên nghiệp

Phối hợp với Hiệp hội vận tải ô tô, các doanh nghiệp kinh doanh vận tải tăng cường công tác tuyên truyền những quy định của pháp luật về trật tự ATGT cho đội ngũ lái, phụ xe và quản lý của doanh nghiệp vận tải.

Định kỳ theo Kế hoạch của Công đoàn Bộ GTVT tổ chức Hội thi lái xe giỏi an toàn cho đội ngũ lái xe chuyên nghiệp của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền đến các doanh nghiệp và lái xe kinh doanh vận tải tham gia giải thưởng Vô lăng vàng được Ủy ban ATGT Quốc gia tổ chức hằng năm.

3.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục an toàn giao thông qua các nền tảng công nghệ thông tin như internet, các mạng xã hội, điện thoại thông minh, phát thanh, truyền hình, Báo điện tử, đặc biệt bằng các công cụ hình ảnh trực quan, các ứng dụng trò chơi.

Tăng cường thời lượng, nội dung tuyên truyền, thông tin, hướng dẫn cho người điều khiển phương tiện trên đường bộ qua hệ thống kênh phát thanh trực tiếp vào những giờ cao điểm. Tổ chức các gameshow trò chơi tìm hiểu kiến thức về ATGT, văn hóa giao thông trên truyền hình và các nền tảng truyền thông xã hội.

3.3. Nhóm giải pháp về kết cấu hạ tầng và tổ chức giao thông

Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông theo quy hoạch; đầu tư xây dựng các bến xe, điểm đỗ xe tĩnh; thực hiện thăm tra, thăm định an toàn giao thông từ bước lập báo cáo đầu tư cho đến quá trình khai thác; thực hiện nghiêm các quy hoạch về phát triển giao thông, xây dựng; tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới đường GTNT đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

Thường xuyên rà soát, phát hiện và xử lý kịp thời các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ, bổ sung đầy đủ hệ thống đèn tín hiệu, biển báo giao thông và các công trình bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến

đường; xây dựng hệ thống cầu vượt nhẹ tại các vị trí nút giao thường xảy ra ùn tắc giao thông.

Tăng cường bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng và trước khi đưa các tuyến đường vào khai thác.

Quan tâm cải tạo điều kiện an toàn của kết cấu hạ tầng giao thông xung quanh khu vực trường học, công trường, bổ sung đầy đủ hệ thống biển báo hiệu giao thông, sơn vạch kẻ đường, lắp đặt pano tuyên truyền ATGT.

Ưu tiên bảo trì đường bộ, chú trọng bảo trì hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý, bảo trì đường bộ; đổi mới quy trình bảo trì đường bộ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý, điều hành hệ thống giao thông; xây dựng trung tâm điều hành giao thông thông minh và lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông để bảo đảm việc vận hành, khai thác an toàn cho mạng lưới giao thông và có khả năng thu thập, xử lý và chia sẻ dữ liệu về tình trạng hoạt động giao thông theo thời gian thực; cung cấp hướng dẫn đi lại thông qua cổng thông tin trực tuyến nhằm giảm ùn tắc và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Kiên quyết triển khai việc lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt và chống tái lấn chiếm; nâng cao trách nhiệm của chính quyền, người đứng đầu chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang giao thông; xác định mốc lộ giới HLGTT trên các tuyến giao thông và bàn giao cho chính quyền địa phương; tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân về sự cần thiết bảo vệ hành lang giao thông.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt.

3.4. Nhóm giải pháp về vận tải và người điều khiển phương tiện

3.4.1. Quản lý phương tiện và hoạt động vận tải

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vận tải theo các Quy định của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải; tăng cường quản lý

đối với hoạt động đăng kiểm phương tiện, nâng cao chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới. Tiếp tục duy trì kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và xử lý vi phạm về kích thước thành, thùng xe, tự ý thay đổi thiết kế, công năng sử dụng của phương tiện. Quản lý chặt chẽ số phương tiện hết niên hạn lưu hành, không được phép tham gia giao thông, loại bỏ xe tự chế, xe không được phép lưu hành. Tăng cường công tác quản lý ô tô điện, mô tô điện, xe máy và xe đạp điện.

Nghiêm cấm, đình chỉ các bến thủy nội địa, các phương tiện tàu xuồng không đủ điều kiện kỹ thuật tham gia hoạt động vận tải.

Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng, quan tâm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải. Khuyến khích người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng thay cho phương tiện cá nhân để giảm ùn tắc và tai nạn giao thông.

Thí điểm xây dựng hệ thống giao thông tiếp cận cho người khuyết tật, người cao tuổi trên một số tuyến xe buýt nội thị thành phố Thái Nguyên. Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải xe buýt đầu tư, cải tạo phương tiện phục vụ người khuyết tật sử dụng các phương tiện công cộng.

Triển khai ứng dụng toàn diện các hệ thống giám sát hành trình phương tiện, hệ thống camera giám sát hình ảnh trên phương tiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, hệ thống quản lý, điều hành bến xe và hệ thống quản lý, điều hành xe của các doanh nghiệp vận tải bằng xe ô tô.

Tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc đăng ký biển hiệu, phù hiệu của các phương tiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có xe taxi, xe kinh doanh vận tải theo phương thức sử dụng hợp đồng điện tử.

Tăng cường quản lý hoạt động đưa đón học sinh, công nhân bằng xe buýt, xe hợp đồng.

3.4.2. Quản lý người điều khiển phương tiện giao thông

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ giáo viên, sát hạch viên để nâng cao chất lượng đào tạo sát hạch cấp GPLX; ứng dụng và khai thác, vận hành hiệu quả các thiết bị

công nghệ phần mềm trong quản lý cấp, đổi GPLX; quản lý người sử dụng GPLX, người học, thi sát hạch để lấy GPLX; sử dụng các thiết bị công nghệ chấm điểm tự động khi sát hạch để bảo đảm tính chính xác, khách quan.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, sát hạch cấp GPLX; kiên quyết loại bỏ, đình chỉ các cơ sở đào tạo chất lượng dạy kém, chậm đầu tư phương tiện, thiết bị, nâng cấp cơ sở hạ tầng; có biện pháp phát hiện, kiểm tra, quản lý chất lượng lái xe sau đào tạo. Quan tâm giáo dục tuyên truyền đạo đức người lái xe, ý thức văn hóa giao thông cho người điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp kinh doanh vận tải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho lái xe; rèn luyện tư cách đạo đức người lái xe, chân chính tác phong phục vụ bảo đảm văn minh, lịch sự.

3.5. Nhóm giải pháp về công tác cưỡng chế thi hành luật

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông và các lực lượng thực thi công vụ khác trong công tác cưỡng chế thi hành pháp luật. Nâng cao ý thức đạo đức công vụ và ứng xử văn hóa trong thực thi nhiệm vụ.

Thường xuyên, liên tục thực hiện chiến dịch tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm nồng độ cồn, sử dụng ma túy, đặc biệt tập trung vào đối tượng là các lái xe chuyên nghiệp như các lái xe tải, xe container, xe khách tuyến cố định liên tỉnh; các hành vi tổ chức đua xe mô tô, ô tô trái phép.

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với phương tiện vận tải hành khách vi phạm quy định về đón, trả khách trên đường bộ.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm tại các Bến xe, các doanh nghiệp vận tải, các cơ sở đào tạo, các Trung tâm sát hạch lái xe và các cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông.

Đẩy mạnh kiểm soát và tăng cường xử phạt các phương tiện quá khổ, quá tải lưu thông trên hệ thống đường bộ. Tăng cường công tác phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông trong việc kiểm tra xử lý vi phạm đối với các phương tiện tham gia giao thông.

Tăng cường tuần tra, kiểm soát xóa bỏ chợ cóc, chợ tạm, chấm dứt tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường để kinh doanh, buôn bán làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Huy động lực lượng Công an xã, phối hợp với các lực lượng khác tham gia công tác bảo đảm TTATGT xử lý vi phạm hành lang giao thông ở cấp cơ sở.

Tiếp tục hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm của các lực lượng thực thi pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại xây dựng trung tâm điều hành giao thông thông minh trong đó tích hợp hệ thống xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ có kết nối xử lý vi phạm di động, xử lý vi phạm qua hình ảnh và tích hợp với hệ thống quản lý giấy phép lái xe, hệ thống quản lý đăng ký, đăng kiểm phương tiện; đầu tư xây dựng hệ thống camera ứng dụng công nghệ tự động nhận diện lỗi vi phạm trên hệ thống đường bộ tại các khu vực đô thị và trên các đoạn tuyến quốc lộ có tình hình trật tự, an toàn giao thông phức tạp. Xây dựng các Trung tâm chỉ huy giao thông đồng bộ, hiện đại cho lực lượng Cảnh sát giao thông.

3.6. Nhóm giải pháp về cứu hộ, cứu nạn và cấp cứu tai nạn giao thông

Khảo sát, xây dựng mạng lưới các trạm cứu hộ, cứu nạn và các trạm cấp cứu tai nạn giao thông trên tuyến cao tốc, các quốc lộ, đường tỉnh trên cơ sở các trạm y tế, trung tâm y tế và thành lập các đội, nhóm sơ cấp cứu tai nạn giao thông bằng mô tô, xe gắn máy do Hội Chữ thập đỏ quản lý. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác cứu hộ giao thông.

Tăng cường tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu cho Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông, Tuần đường, lái xe, nhân viên Hội Chữ thập đỏ, các tình nguyện viên và người dân sống dọc các tuyến đường.

3.7. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông

Tăng cường sự phối hợp giữa Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị

xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đảm bảo sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện.

Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và các ngành, các tổ chức hội đoàn thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Xây dựng quy chế phối hợp giữa chính quyền địa phương các cấp với các cơ quan chức năng trong hoạt động công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

3.8. Nhóm giải pháp về nguồn kinh phí

Nguồn vốn thực hiện Đề án chủ yếu sử dụng từ ngân sách phân bổ theo kế hoạch; nguồn tài trợ từ các tổ chức; nguồn huy động từ các doanh nghiệp; nguồn vốn xã hội hóa; các nguồn vốn hợp pháp khác...

Quan tâm cấp đủ kinh phí thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông cho các ngành, các địa phương, đặc biệt là cấp xã, phường, thị trấn.

4. Kinh phí thực hiện Đề án

Tổng kinh phí cho thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến là 276,64 tỷ đồng (*Không tính chi phí đầu tư cho phát triển hạ tầng*), bao gồm:

TT	Danh mục	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
I	Chi phí hoạt động phục vụ công tác an toàn giao thông các cấp	145,150	Chi tiết tại phụ lục 1
II	Mua sắm trang thiết bị cho lực lượng Công an, Thanh tra Sở giao thông.	78,865	Phụ lục 1+2
III	Thành lập các điểm, chốt sơ cấp cứu tai nạn giao thông.	0,625	Phụ lục 1+2
IV	Xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT	50,000	Phụ lục 1+2
V	Tuyên truyền và xử lý bất cập về ATGT khu vực cổng trường học	2,000	Phụ lục 1+2
	Tổng cộng:	276,64	

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án:

- Ngân sách tỉnh;

- Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu hằng năm cho ngân sách tỉnh từ nguồn thu xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông;
- Các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giao thông vận tải - Cơ quan Thường trực Ban ATGT tỉnh

Là cơ quan giúp Chủ tịch UBND - Trưởng Ban ATGT tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi và tổng hợp đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án này. Tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách về công tác bảo đảm TTATGT đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với tình hình của tỉnh. Kịp thời tham mưu kiện toàn Ban ATGT tỉnh và Ban ATGT các địa phương nhằm nâng cao năng lực triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác bảo đảm ATGT.

Chủ trì phối hợp với các thành viên Ban ATGT tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, kế hoạch phối hợp liên ngành về TTATGT; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông, phương tiện vận tải và người lái, thanh tra giao thông theo thẩm quyền.

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, vận tải thủy nội địa; phối hợp tổ chức tập huấn quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải cho quản lý các đơn vị kinh doanh vận tải và người điều hành vận tải, nâng cao năng lực, chất lượng vận tải.

Phối hợp với Công an tỉnh và các địa phương thường xuyên thực hiện siết chặt quản lý kinh doanh vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện, kiểm tra, xử lý nghiêm phương tiện chở hàng quá tải trọng, vi phạm các cam kết về xếp hàng và vận chuyển đúng tải trọng phương tiện, tự ý thay đổi kích thước thành, thùng xe, phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; tăng cường sử dụng dữ liệu thiết bị giám sát hành trình xe ô tô; đầu tư, lắp đặt trạm kiểm soát tải trọng cố định trên các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh và một số vị trí trọng điểm khác.

Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch và quản lý người điều khiển phương tiện; đáp ứng kịp thời nhu cầu đào tạo, cấp giấy phép điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy nội địa phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, camera giám sát quá trình đào tạo và sát hạch; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hoá thủ tục cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe, áp dụng nhiều hình thức cung cấp dịch vụ công như: Trực tuyến cấp độ 3 hướng tới cấp độ 4; tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần, trách nhiệm và đạo đức của cán bộ quản lý, giáo viên, sát hạch viên, đội ngũ lái xe.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm; chú trọng công tác giám sát việc thực hiện quy định về đăng kiểm và niên hạn sử dụng của phương tiện.

Đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm chất lượng thi công các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và mở rộng kết cấu hạ tầng giao thông, thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức, bảo đảm ATGT, chống ùn tắc tại các công trình vừa thi công vừa khai thác; thực hiện nghiêm quy định về thẩm định ATGT đối với các tuyến đường được đầu tư xây dựng ngay từ bước lập dự án.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, quản lý, bảo trì, phân cấp, xã hội hóa công tác khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; bổ sung đầy đủ hệ thống hộ lan, cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ vạch đường; xử lý khắc phục các điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT trên đường bộ.

Phối hợp với ngành đường sắt thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn các vị trí đường bộ giao cắt với đường sắt.

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan thành viên Ban ATGT tỉnh, cơ quan thông tin tuyên truyền, tổ chức, đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo đảm TTATGT đến mọi đối tượng với nội dung, hình thức phong phú, phù hợp, đúng quy định. Nghiên cứu trang bị tài liệu, thiết bị phụ vụ công tác tuyên truyền cho các ngành, các địa phương, các

trường học phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ATGT cho người dân.

Phối hợp với Báo Thái Nguyên, Đài PT-TH tỉnh, Sở Thông tin truyền thông xây dựng và triển khai thực hiện chương trình tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông qua các mạng xã hội, các ứng dụng trên các thiết bị thông minh, các ứng dụng trò chơi, gameshow trên Báo, Đài Phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về trật tự ATGT trên mạng internet.

Phối hợp nghiên cứu, tham mưu ứng dụng khoa học công nghệ mới xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu giao thông vận tải, cập nhật số liệu tai nạn giao thông. Xây dựng trung tâm điều hành giao thông thông minh và lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông.

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện công tác bảo đảm trật tự ATGT cho các ngành, các địa phương để triển khai thực hiện Đề án.

Thường xuyên tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh. Lòng ghép sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án với công tác tổng kết công tác bảo đảm trật tự ATGT hằng năm.

2. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng CSGT tăng cường tuần tra kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT, đặc biệt là các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông, hành vi vi phạm TTATGT có dấu hiệu tội phạm, nhất là các vụ TNGT gây hậu quả nghiêm trọng, sử dụng rượu, bia và các chất kích thích khi điều khiển phương tiện; phát huy vai trò của lực lượng Công an xã và Công an viên tham gia công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát ngăn chặn và kiềm chế TNGT liên quan đến xe mô tô, xe gắn máy trên các tuyến đường thuộc địa bàn nông thôn.

Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông tăng cường phối hợp với Thanh tra giao thông và chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát, tổ chức các chốt chặn trên các tuyến giao thông trọng điểm, các khu vực giao thông

phức tạp, những tuyến đường thường xuyên có phương tiện vận tải quá khổ, quá tải chạy qua để kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; quan tâm công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đối với phương tiện thủy.

Phối hợp với ngành giao thông - vận tải thực hiện nhiệm vụ khảo sát, kiến nghị các bất hợp lý trong tổ chức giao thông; kiến nghị việc giải quyết các "điểm đen", "điểm tiềm ẩn TNGT"; thực hiện các giải pháp khắc phục ùn tắc giao thông.

Tham mưu, đề xuất trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát cho lực lượng thực thi nhiệm vụ; phối hợp nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ mới xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ và cơ sở dữ liệu xử phạt vi phạm.

Phối hợp tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo đảm TTATGT; cập nhật, thống kê, phân tích, đánh giá các vụ TNGT trên địa bàn tỉnh; tổ chức tuần tra xử lý nghiêm các vụ TNGT theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Tăng cường hoạt động tuần tra kiểm soát, duy trì nghiêm việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệnh, Điều lệ của Quân đội đối với người điều khiển phương tiện quân sự khi tham gia giao thông; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT gây hậu quả nghiêm trọng.

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục quân nhân tự giác chấp hành pháp luật về TTATGT; duy trì và phát huy, nhân rộng các mô hình xây dựng địa bàn điểm, đơn vị điểm về TTATGT; tích cực tham gia với địa phương trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT, khắc phục ùn tắc giao thông; tăng cường chất lượng phương tiện và đội ngũ lái xe quân sự; huy động lực lượng quân đội tham gia bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

Hàng năm căn cứ vào kinh phí phân bổ của Trung ương bổ sung có mục tiêu và khả năng thu ngân sách của tỉnh, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân

sách Nhà nước hiện hành có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp vào dự toán ngân sách Nhà nước trình HĐND và UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

Cấp kinh phí kịp thời cho các cơ quan thực hiện nhiệm vụ bảo đảm TTATGT.

5. Sở Tư pháp

Thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT; tham mưu cho Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật đưa nội dung tuyên truyền ATGT vào kế hoạch hằng năm.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hoàn thiện chương trình, tài liệu giảng dạy và tăng thời gian, nội dung giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào chương trình chính khóa ở các bậc học, đặc biệt dưới hình thức ứng dụng khoa học công nghệ mới.

Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục ATGT cho giáo viên các cấp; nâng cao chất lượng giáo dục kiến thức an toàn giao thông trong trường học; giáo dục ý thức tự giác chấp hành pháp luật cho học sinh khi tham gia giao thông; chỉ đạo các trường học yêu cầu giáo viên chủ nhiệm phối hợp với cha mẹ học sinh yêu cầu học sinh các cấp thực hiện quy định pháp luật về bảo đảm TTATGT.

7. Đại học Thái Nguyên

Chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu về TTATGT trong khối Đại học; chủ trì phối hợp với Ban ATGT tỉnh, Công an tỉnh, Tỉnh Đoàn trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TTATGT trong thanh niên, học sinh, sinh viên.

Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục ATGT cho giảng viên các trường Đại học, Cao đẳng.

8. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Tiếp tục chỉ đạo cơ quan văn hóa các cấp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về TTATGT và tiêu chí VHGT do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành tại Quyết định số 3500/QĐ-BVHTTDL ngày 9/10/2013 đến tận thôn, bản và tổ dân phố; chú trọng hình thức tuyên truyền lưu động và tuyên

truyền trực quan bằng pano, băng rôn, khẩu hiệu, áp phích trên các tuyến giao thông trọng điểm và khu vực đông dân cư.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến các tiêu chí, hành vi văn hóa giao thông bằng các hình thức văn hóa truyền thống. Đưa tiêu chí chấp hành các quy định về ATGT vào nội dung xây dựng gia đình, làng bản, cơ quan văn hóa.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan Thông tấn báo chí tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, đặc biệt sử dụng tối đa những thành tựu, ứng dụng khoa học công nghệ mới phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự ATGT.

Chủ trì phối hợp với Ban ATGT tỉnh, Công an tỉnh, các ngành liên quan, UBND thành phố Thái Nguyên nghiên cứu xây dựng trung tâm điều hành giao thông. Lắp đặt hệ thống camera phục vụ giám sát và xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến đường trung tâm thành phố Thái Nguyên, Sông Công, Trung tâm các huyện, thị xã và các tuyến giao thông trọng điểm.

10. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn việc sản xuất, kinh doanh và lưu thông mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy không đạt tiêu chuẩn chất lượng trên thị trường.

11. Sở Xây dựng

Quản lý và thực hiện tốt công tác quy hoạch và xây dựng, phát triển đô thị, bảo đảm các kết nối giao thông, các công trình an toàn giao thông, các khu dân cư để đảm bảo mật độ dân số, phương tiện tham gia giao thông, tránh ùn tắc giao thông trong tương lai do không thực hiện tốt công tác quy hoạch.

12. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Báo Thái Nguyên

Phối hợp với Thường trực Ban ATGT tỉnh nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú, sinh động, hấp dẫn. Tổ chức các gameshow truyền hình, hội thi tìm hiểu pháp luật về ATGT cho học sinh, sinh viên trên sóng

Đài PT-TH, truyền hình trực tuyến. Khai thác có hiệu quả kênh VOV giao thông Thái Nguyên nhằm cung cấp thông tin, hướng dẫn giao thông cho người dân.

Tăng cường thời lượng, nâng chất lượng các chuyên mục về công tác đảm bảo TTATGT. Tổ chức các cuộc thi báo chí chất lượng cao để nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông.

13. Sở Y tế

Chủ trì phối hợp với Ban ATGT, Hội Chữ thập đỏ khảo sát, xây dựng các trạm, điểm sơ cấp cứu tai nạn giao thông trên các tuyến giao thông.

Chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở Y tế thực hiện nghiêm túc quy định về khám sức khỏe phục vụ cho việc đào tạo cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe. Thường xuyên thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho Trung tâm Y tế cấp huyện, các trạm cấp cứu; nâng cao trình độ cho y, bác sỹ về cấp cứu TNGT nhằm giảm tỷ lệ tử vong ở mức thấp nhất.

14. Hội Chữ thập đỏ tỉnh

Duy trì hoạt động mạng lưới sơ, cấp cứu hiện có; phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Sở Y tế xây dựng các tổ, đội Hội chữ thập đỏ tình nguyện tham gia ở các trạm sơ cấp cứu được thành lập trên các tuyến giao thông.

Phối hợp với Ban ATGT tỉnh tập huấn nghiệp vụ sơ cấp cứu ban đầu người bị TNGT, đui nước cho đội ngũ tình nguyện viên, lực lượng CSGT, TTGT, đội ngũ lái xe và người dân dọc các trục tuyến giao thông.

15. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Đánh giá kết quả thực hiện Quy chế phối hợp số 02/QCPH/BATGT-BQL ngày 03/01/2017 giữa Ban ATGT tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp, đồng thời xây dựng Quy chế phối hợp giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với tình hình mới.

Tăng cường phối hợp thực hiện các biện pháp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự ATGT cho công nhân ở các khu công nghiệp; đảm bảo các điều kiện ATGT trên các tuyến đường thuộc Khu công nghiệp quản lý. Lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền cho công nhân ở các khu công nghiệp.

16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật về đảm bảo TTATGT cho các thành viên trong tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đến cộng đồng dân cư, đặc biệt đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về đảm bảo TTATGT đến tận cơ sở, phường, xã, thị trấn.

Duy trì, phát triển các mô hình tự quản tham gia giữ gìn TTATGT; xây dựng các điển hình tiên tiến, phối hợp tổ chức các hình thức tuyên truyền, xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng dân cư.

17. UBND thành phố Thái Nguyên

Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư xây dựng các cầu vượt nhẹ tại các nút giao thường xảy ra ùn tắc giao thông; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình giao thông trên địa bàn do UBND thành phố làm chủ đầu tư.

Rà soát, bổ sung, lắp đặt đầy đủ hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống biển báo hiệu giao thông và các công trình phụ trợ đảm bảo an toàn giao thông.

Phối hợp nghiên cứu lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông phục vụ cho công tác quản lý, điều hành giao thông trên địa bàn thành phố.

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Kiểm toàn tổ chức Ban ATGT cùng cấp; xây dựng kế hoạch, biện pháp phối hợp thực hiện công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn các ngành, các tổ chức, các đơn vị, các xã, phường, thị trấn, trường học tham gia công tác giữ gìn TTATGT.

Chủ động rà soát, nghiên cứu, bố trí kinh phí để xử lý, giải quyết các điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT, ùn tắc giao thông trên địa bàn.

19. Các đơn vị bảo trì đường bộ trên địa bàn

Thực hiện các biện pháp đảm bảo ATGT trong lĩnh vực được giao; chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp liên ngành liên quan đến lĩnh vực ATGT do đơn vị được giao nhiệm vụ; có trách nhiệm phát hiện các yếu tố mất ATGT,

nhất là "điểm đen", "điểm tiềm ẩn TNGT" để có kiến nghị, đề xuất với các cấp có thẩm quyền các giải pháp xử lý kịp thời.

Trong quá trình triển khai thực hiện đề án, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc có các giải pháp tốt, các cơ quan, đơn vị kịp thời đề xuất với Thường trực Ban ATGT tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời giải quyết./.

Phụ lục 01**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN, TRANG THIẾT BỊ, CẤP CỨU Y TẾ**

(Kèm theo Đề án “Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025”)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục	Giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số lượng (cái)	Kinh phí	
I	Chi phí hoạt động phục vụ công tác an toàn giao thông		145.150	
1	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh		600	120 /1 năm
2	Hội Cựu chiến binh tỉnh		300	60 /1 năm
3	Tỉnh đoàn Thái Nguyên		1.500	300 /1 năm
4	Hội LHPN tỉnh Thái Nguyên		1.000	200 /1 năm
5	Liên đoàn lao động tỉnh		600	120 /1 năm
6	Hội Nông dân tỉnh		850	170 /1 năm
7	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy		600	120 /1 năm
8	Đại học Thái Nguyên		300	60 /1 năm
9	Báo Thái Nguyên		1.500	130 /1 năm
10	Đài PT-TH tỉnh		7.300	1.460 /1 năm
11	Sở Tư pháp		300	60 /1 năm
12	Hội Chữ thập đỏ tỉnh		300	60 /1 năm
13	Kinh phí hoạt động của Ban ATGT tỉnh		40.000	8.000 /1 năm
14	Chi hoạt động công tác bảo đảm trật tự ATGT của Ban ATGT các huyện, thành phố, thị xã.		45.000	1.000/1 Ban/1 năm phục vụ thực hiện các nhiệm vụ: - Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT. - Xử lý liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông, biển báo hiệu. - Khắc phục các sự cố xảy ra khi xảy ra các vụ TNGT đặc biệt nghiêm trọng. - Thăm hỏi, động viên nạn nhân, gia

TT	Danh mục	Giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số lượng (cái)	Kinh phí	
				<p>đình nạn nhân bị TNGT.</p> <p>- Cấm biển báo hiệu an toàn qua các đầu ngầm tràn.</p> <p>- Chi khác</p>
15	Chi hoạt động công tác bảo đảm trật tự ATGT của Ban ATGT các xã, phường, thị trấn.		45.000	<p>50/1 Ban/1 năm phục vụ thực hiện các nhiệm vụ:</p> <p>- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TTATGT.</p> <p>- Tập huấn cán bộ làm công tác ATGT ở cơ sở.</p> <p>- Canh gác, cảnh báo an toàn giao thông.</p> <p>- Bồi dưỡng lực lượng tham gia công tác bảo đảm TTATGT.</p> <p>- Thăm hỏi, động viên nạn nhân, gia đình nạn nhân bị TNGT.</p> <p>- Chi khác</p>
II	Mua sắm trang thiết bị cho lực lượng Công an, Thanh tra Sở giao thông vận tải		78.865	
1	Mua xe ô tô chuyên dụng (xe chỉ huy dẫn đoàn, xe tải có cang nâng, xe bán tải)	20	16.000	01 xe cho Thanh tra giao thông và 19 xe cho Công an
2	Lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông	104	59.315	Lắp đặt 104 điểm camera giám sát giao thông tại các vị trí trọng yếu các tuyến giao thông trên toàn tỉnh.
3	Cân tải trọng xe (<i>Cân xách tay</i>)	24	1.700	Công an tỉnh 20 cái, Thanh tra Sở giao thông 04 cái.

TT	Danh mục	Giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số lượng (cái)	Kinh phí	
4	Máy đo nồng độ cồn	37	1.850	Công an tỉnh
III	Thành lập các điểm, chốt sơ cấp cứu tai nạn giao thông		625	Trong 5 năm thành lập 25 trạm, điểm sơ cấp cứu TNGT.
1	Trên các tuyến Quốc lộ và Đường tỉnh	25	625	25/1 trạm sơ cấp cứu Thực hiện các nội dung: - Thành lập trạm, điểm sơ cấp cứu; - Trang bị dụng cụ, thiết bị, sơ cấp cứu, thuốc men...; - Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu chấn thương ban đầu cho đội ngũ tình nguyện viên. - Chi hỗ trợ xăng xe, tiền điện thoại cho các tình nguyện viên. - Chi khác
IV	Xử lý điểm đen TNGT		50.000	
1	Xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ TNGT	20	50.000	5.000/1 năm xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ TNGT trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã
V	Tuyên truyền và xử lý bất cập về ATGT khu vực cổng trường học		2.000	
1	Tuyên truyền và xử lý khu vực trường học	20	2.000	100/1 trường học
	Tổng cộng:		276.64	

Phụ lục 02
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ
VÀ THÀNH LẬP TRẠM SƠ CẤP CỨU Y TẾ

(Kèm theo Đề án “Tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021- 2025”)

TT	Nội dung	Lộ trình thực hiện				
		2021	2022	2023	2024	2025
I	Mua sắm trang thiết bị cho lực lượng Công an, Thanh tra giao thông, lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông					
1	Mua xe ô tô cho lực lượng TTGT	x				
2	Mua xe ô tô cho lực lượng CSGT	x	x	x	x	x
3	Lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông	x	x	x	x	x
4	Cân tải trọng xe (<i>Cân xách tay</i>)	x	x	x	x	x
5	Máy đo nồng độ cồn	x	x	x	x	x
II	Thành lập các điểm, chốt sơ cấp cứu tai nạn giao thông	x	x	x	x	x
III	Xử lý điểm đen TNGT, điểm tiềm ẩn nguy cơ TNGT	x	x	x	x	x
IV	Tuyên truyền và xử lý bất cập về ATGT khu vực cổng trường học	x	x	x	x	x

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1191/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 18)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4127/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Phổ Yên;

Xét đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình ngày 18 tháng 3 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 176/TTr-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê (đợt 18) diện tích 12.841,2 m² đất (đã được UBND thị xã Phổ Yên thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình tại phường Bãi Bông và phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

Thời hạn thuê đất:

- Đối với diện tích đất 6.714,2 m², thời hạn thuê đất đến ngày 25/5/2062.

- Đối với diện tích đất 6.127,0 m², thời hạn thuê đất đến ngày 25/8/2064.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Vị trí, ranh giới khu đất xác định tại bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý), thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, 22, phường Đồng Tiến và tờ số 3, 6, 12, 15, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 27/01/2021 và ngày 22/3/2021.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên, UBND phường Bãi Bông, UBND phường Đồng Tiến, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình theo quy định;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND phường Bãi Bông, Chủ tịch UBND phường Đồng Tiến, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

Phụ lục.**DIỆN TÍCH ĐẤT CHO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN YÊN BÌNH
THUÊ ĐỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP YÊN BÌNH, TẠI THỊ XÃ PHỔ YÊN (ĐỢT 18)***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Bản đồ địa chính		Diện tích (m ²)
	Số tờ	Số thửa	
A	Thời hạn thuê đất: Đến ngày 25/5/2062		6.714,2
I	Phường Bãi Bông		5.503,5
1	12	241	1.091,2
3	12	130	2.256,4
4	12	100	241,2
5	15	99	1.914,7
II	Phường Đồng Tiến		1.210,7
1	9	257	34,9
2	9	258	127,0
3	9	262	142,6
4	9	261	66,7
5	9	259	126,4
6	9	260	611,2
7	9	301	16,6
8	9	300	85,3
B	Thời hạn thuê đất: Đến ngày 25/8/2064		6.127,0
I	Phường Bãi Bông		136,0
1	3	2	43,0
2	6	59	93,0
II	Phường Đồng Tiến		5.991,0
1	22	257	1.339,1
2	22	161	1.458,0
3	22	85	3.193,9
	Tổng cộng (A+B)		12.841,2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1245/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Hopestar tại phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4127/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Phổ Yên;

Xét Đơn xin thuê đất của Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng, đề ngày 18 tháng 3 năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 155/TTr-STNMT ngày 31 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất

1. Cho phép Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng được chuyển mục đích sử dụng diện tích 9.434,2 m² đất (Công ty đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân) từ đất sản xuất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp tại phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên.

2. Cho Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng thuê diện tích 9.434,2 m² đất cho phép chuyển mục đích sử dụng tại Khoản 1 Điều này để sử dụng vào mục đích xây

dựng mở rộng Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Hopestar tại phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 21/01/2054.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

3. Thu hồi diện tích 444,8 m² đất của Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng (*diện tích đất Công ty đã nhận chuyển nhượng của các hộ dân - nằm ngoài ranh giới quy hoạch dự án*) tại phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên và giao cho UBND phường Ba Hàng quản lý theo quy định.

4. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý), thuộc tờ bản đồ địa chính số 12 (115), phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký Đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 27/11/2020.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên, UBND phường Ba Hàng, Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng theo quy định;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND phường Ba Hàng, Giám đốc Công ty TNHH Ngôi sao hy vọng và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục.**DIỆN TÍCH ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH NGÔI SAO HY VỌNG THUÊ
TẠI PHƯỜNG BA HÀNG, THỊ XÃ PHỒ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1245/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Bản đồ địa chính		Diện tích đất (m ²)	
	Số tờ	Số thửa	Chuyển mục đích và cho thuê	Giao UBND phường Ba Hàng quản lý
1	12 (115)	827	8.890,2	444,8
2	12 (115)	389	544,0	
	Tổng cộng		9.434,2	444,8

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1255/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long thuê đất, để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản tại mỏ vàng sa khoáng Khắc Kiệm, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Võ Nhai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 174/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long thuê diện tích 36.555m² đất (được UBND huyện Võ Nhai thu hồi và giải phóng mặt bằng), để sử dụng vào mục đích khai thác vàng sa khoáng tại khu vực Khắc Kiệm, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 28/01/2032.

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục địa chính từ tờ

bản đồ trích đo số 1, 2, 3, tờ bản đồ địa chính số 80, xã Thần Sa phục vụ công tác thuê đất, dự án mỏ vàng sa khoáng khu vực Khắc Kiệm (giai đoạn 2) do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 25/5/2020 và ngày 16/6/2020.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, UBND huyện Võ Nhai, UBND xã Thần Sa và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long triển khai thực hiện theo quy định những nội dung sau:

- Xác định cụ thể mốc giới giao đất trên thực địa.
- Xác định đơn giá tiền thuê đất.
- Thông báo cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long nộp tiền thuê đất, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (nếu có).
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long.
- Chính lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Võ Nhai, Chủ tịch UBND xã Thần Sa, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 1255/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Bản trích đo địa chính		Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
	Số tờ	Số thửa			
1	1	16	318,8	SKS	
2	1	131	688,2	SKS	
3	1	132	5.357,7	SKS	
4	1	69	427,6	SKS	
5	1	78	229,5	SKS	
6	1	97	511,9	SKS	
7	1	99	471,3	SKS	
8	1	104	42,4	SKS	
9	80	55	683,2	SKS	
10	2	1	345,2	SKS	
11	2	406	686,4	SKS	
12	2	407	5.764,2	SKS	
13	2	42	245,6	SKS	
14	2	408	449,9	SKS	
15	2	103	2.999,4	SKS	
16	2	414	689,7	SKS	
17	2	409	3.607,2	SKS	
18	2	130	1.288,7	SKS	
19	2	166	508,8	SKS	

Số TT	Bản trích đo địa chính		Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
	Số tờ	Số thửa			
20	2	172	132,3	SKS	
21	2	410	405,0	SKS	
22	2	228	784,0	SKS	
23	2	415	505,3	SKS	
24	2	282	900,3	SKS	
25	2	291	356,0	SKS	
26	2	411	657,0	SKS	
27	2	305	263,1	SKS	
28	2	309	227,2	SKS	
29	2	317	995,6	SKS	
30	2	412	672,3	SKS	
31	2	350	1.013,5	SKS	
32	2	413	1.552,9	SKS	
33	3	57	1.873,9	SKS	
34	3	40	900,9	SKS	
Tổng cộng			36.555,0		

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa Công báo in và Công báo điện tử thì sử dụng Công báo in làm căn cứ chính thức”.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo in được in trên giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua đề nghị liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: www.congbaothainguyen.gov.vn